

ÔN TẬP TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 5

ĐỀ SỐ 1

Bài 1: Trâu vàng uyên bác.

Em hãy giúp Trâu vàng điền chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học hoặc phép tính phù hợp vào ô trống còn thiếu.

1. Trẻ trông già trông chuối.
2. Cha mẹ dưỡng.
3. Cánh hồng bông.
4. Được đòi tiên.
5. Được mùa đau mùa lúa.
6. Cày cuộc bầm.
7. Con rồng cháu
8. Bĩ cực thái
9. Dục bắt đạt.
10. Tay làm hàm nhai quai miệng trễ.

Bài 2: Phép thuật mèo con: Hãy ghép 2 ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành đôi.

Đất nước	Bom nguyên tử	Xin được trợ giúp	Chất phác	Cầu viện
Nhà thờ	Ăn lót dạ	Đường cày	Bom H	Giáo sĩ
Thật thà	Chức sắc trong đạo Hồi	Bom A	Bom khinh khí	Sá cày
Xã tắc	Loài cua nhỏ	Con da	Giáo đường	Điểm tâm

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1: Không giữ kín, mà để mọi người đều có thể biết thì được gọi là gì?

- A - Công khai B - Công hữu C - Công cộng D - Công dân

Câu hỏi 2: Thành ngữ nào sau đây không nói về vẻ đẹp của thiên nhiên?

- A - Sơn thủy hữu tình B - Hương đồng gió nội
C - Non xanh nước biếc D - Một nắng hai sương

Câu hỏi 3: Chủ ngữ trong câu "Phía trên dải đê chạy dài rạch ngang tầm mắt, ai đã ném bốn năm mảng mây hồng to tướng." là từ nào?

- A - Phía trên B - Dải đê C - Mây hồng D - Ai

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ:

TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 5
VÒNG 17 – ĐỀ 2

Bài 1: Phép thuật mèo con

Tế nhị	Khăng khít	Xã tắc	Lúc còn sống	Tân thời
Mười phương	Lịch sự	Gắn bó	Bạn bè	Dìu dắt
Tiến bộ	Bằng hữu	Thập phương	Hợp tác	Phát triển
Sinh thời	Nhà nước	Kèm cặp	Cộng tác	Kiểu mới

Bài 2: Chọn đáp án đúng

Câu hỏi 1: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Dĩ hòa vi"

A – quý B – lộc C – hữu D – cộng

Câu hỏi 2: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Nắng đã chiếu sáng.....cửa biển." (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.103)

A – lóa B – rực C – lò D - choang

Câu hỏi 3: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

"Giấyphải giữ lấy lễ."

A – trắng B – đẹp C – tốt D – rách

Câu hỏi 4: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Hàng khuy..... như hàng quân trong đội duyệt binh." (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.63)

A – thẳng tắp B – ngày tháng C – thẳng tuột D – thẳng thắn

Câu hỏi 5: Chọn cặp từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: ".....trông na,trông chuối".

A – bé – bà B – trẻ - già C – lớn – bé D – già – trẻ

Câu hỏi 6: Chọn cặp từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: ".....chất chịu hơnphung phí".

A – nhiều – ít B – hiếm – nhiều C – ít – nhiều D – chút – nhiều

Câu hỏi 7: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Công thành..... toại."

A – lợi B – đức C – danh D – lộc

Câu hỏi 8: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Đến khi các loài hoa rụng rữ như hoa gạo, vông, phượng, bằng lăng, muồng đã.....qua bầu trời Hà Nội, cây sấu trước cửa nhà tôi mới lấp ló những chùm quả xanh giòn." (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.98)

A – tràn ngập B – vắt ngang C – nhuộm kín D – kéo quân

Câu hỏi 9: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Dục tốc bất"

A – được B – động C – thành D – đạt

Câu hỏi 10: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: “Áokhéo và hơn lành vụng may.”

A – toi B – rách C – rét D – đẹp

Bài 3: Chọn đáp án đúng

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào mang nghĩa chuyển?

A – cánh tay B – tay nghề C – khuỷu tay D – đau tay

Câu hỏi 2: Câu: “Vì trời nắng to, lại không mưa đã lâu nên có cây héo rũ.” có sử dụng quan hệ từ nào?

A – vì, lại B – lại, lâu C – lâu, nên D – vì, nên

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào trái nghĩa với từ “dữ dội”?

A – mạnh mẽ B – mãnh liệt C – ác liện D – dịu êm

Câu hỏi 4: Trong các bài đọc sau, bài đọc nào không thuộc chủ đề “Nam và nữ”?

A – con gái B – nghĩa thầy trò C – một vụ đắm tàu D – lớp trưởng lớp tôi

Câu hỏi 5: Cụm từ “phía trên bờ đê” trong câu “Phía trên bờ đê, bọn trẻ chăn trâu thả diều, thổi sáo.” là trạng ngữ chỉ gì?

A – thời gian B – phương tiện C – nguyên nhân D – nơi chốn

Câu hỏi 6: Câu: “Mặt trời càng lên cao, ánh nắng càng chói chang” có sử dụng cặp từ hô ứng nào?

A – lên, chói B – càng, chói C – càng, càng D – cao, chói chang

Câu hỏi 7: Sự vật nào được nhân hóa trong câu: Hoa phượng màu hồng pha da cam chứ không đỏ gắt như vông như gạo. Đến cái anh bằng lăng thì đã vừa hồng vừa tím. Sáng đến anh hoa muồng thì đã ngả hắt sang màu vàng chanh.”?

A - Phượng B – vông, gạo C – bằng lăng, muồng D – phượng, muồng

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào mang nghĩa gốc?

A – mũi đất B – mũi dao C – mũi kéo D – mũi tẹt

Câu hỏi 9: hai câu: “Lũ trẻ ngồi im nghe các cụ già kể chuyện. Hôm sau, chúng rủ nhau ra cồn cát cao tìm những bông hoa tím.” liên kết với nhau bằng cách nào?

A – thay thế từ ngữ B – bằng dấu phẩy C – từ ngữ mới D – lặp từ ngữ

Câu hỏi 10: Hình ảnh “hồ nước” trong câu “Chúng không còn là hồ nước nữa, chúng là những cái giếng không đáy, ở đó ta có thể nhìn thấy bầu trời bên kia trái đất.” được so sánh với hình ảnh nào?

A – trái đất B – bầu trời C – giếng không đáy D – bên kia trái đất

TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 5
VÒNG 17 – ĐỀ 3

Bài 1: Phép thuật mèo con

Độc hành	Thật thà	Một mình	Than thở	Lưu loát
Thì gia	Sầm uất	Tân thời	Nhà thơ	Ân xá
Chất phác	Trơn tru	Phản nản	Kiểu mới	Thảo luận
Minh nguyệt	Tha bổng	Trao đổi	Trăng sáng	Nhộn nhíp

Bài 2: Chọn đáp án thích hợp

Câu hỏi 1: Câu ca dao sau có cặp quan hệ từ nào?

“Bởi chưng bác mẹ tôi nghèo

Cho nên tôi phải bầm bèo thái khoai.”

A – bác mẹ - tôi

B – tôi nghèo – thái khoai

C – bởi – nên

D – bởi chưng – cho nên

Câu hỏi 2: Từ loại nào được dùng để miêu tả đặc điểm, tính chất của sự vật?

A – tính từ

B – động từ

C – danh từ

D – đại từ

Câu hỏi 3: Bộ phận nào là trạng ngữ trong câu:

“Tre, đời đời, kiếp kiếp, ăn ở với người.”?

A – tre

B – đời đời, kiếp kiếp

C – ăn ở với người

D – cả ba đáp án

Câu hỏi 4: Bộ phận “Trên cánh đồng” trong câu: “Trên cánh đồng, đàn trâu nhớn nhợ gặm cỏ.” đóng vai trò gì?

A – chủ ngữ

B – vị ngữ

C – trạng ngữ

D – cả ba đáp án

Câu hỏi 5: Từ nào khác với các từ còn lại?

A – tin cậy

B – tin tưởng

C – tin cẩn

D – tin tức

Câu hỏi 6: Thành ngữ, tục ngữ nào cùng nghĩa với câu tục ngữ “Giấy rách phải giữ lấy lề.”?

A – ác giả ác báo

B – nhà dột từ nóc

C – đói cho sạch, rách cho thơm

D – dĩ hòa vi quý

Câu hỏi 7: Từ nào khác với các từ còn lại?

A – gian dối

B – gian lận

C – gian nan

D – gian trá

Câu hỏi 8: Sự vật nào được nhân hóa trong câu: “Hoa phượng màu hồng pha da cam chứ không đỏ gấc như vông như gạo. Đến cái anh bằng lăng thì đã vừa hồng vừa tím.”?

A – hoa phượng

B – gạo

C – vông

D – bằng lăng.

Câu hỏi 9: Từ nào mang nghĩa chuyên?

A – cánh tay B – tay chân C – tay nghề D – ngón tay

Câu hỏi 10: Từ nào không phải là từ láy?

A – nâng niu B – gọn gàng C – loáng thoáng D – tơ tằm

Bài 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Câu hỏi 1: Điền vào chỗ trống: “Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ” là một trong những tác dụng của dấu.....

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống:

Các thành ngữ: “Non xanh nước biếc; Sơn thủy hữu tình” nói về vẻ đẹp củanhiên.”

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống: “Mũi tẹt, mũi to” là những từ mang nghĩa.....

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống: “khóc – cười, lên – xuống, trong – đục” là những cặp từnghĩa

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống:

Năm.....nhà cỏ thấp le te

Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe (Nguyễn Khuyến)

Câu hỏi 6: Điền vào chỗ trống: “Phonglà kiểu (lối) sống tạo ra nét riêng của một người hoặc một nhóm người.”

Câu hỏi 7: Điền vào chỗ trống:

Nước leo lẻo các đớp cá

Trời nắng chang chang người trói người. (Cao Bá Quát)

Câu hỏi 8: Điền vào chỗ trống:

Trong như tiếng hạc bay qua

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời

Tiếng.....như gió thoảng ngoài

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa (Nguyễn Du)

Câu hỏi 9:

“Không dấu chờ cá đớp mồi

Có huyền nhộn nhịp xa người qua lại.”

Chữ không có dấu huyền là chữ gì?

Trả lời: Chữ.....

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống: “Hẹp nhà.....bụng.”

ĐỀ SỐ 4

Bài 1 – Phép thuật mèo con

Nhẹ nhàng	Bất khuất	Dữ dội	Đảm đang	Cương quyết
Nặng nhọc	Mập mạp	Trường tồn	Dẫn đầu	Kiên định
Thanh thoát	Chịu khó	Ác liệt	Cửa biển	Vĩnh cửu
Vất vả	Quật cường	Hải khẩu	Tiên phong	Đầy đà

Bài 2: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG

Câu hỏi 1: Từ nào có nghĩa là cách giải quyết đặc biệt hiệu nghiệm mà ít người biết?

- a/ bí ẩn b/ bí bách c/ bí hiểm d/ bí quyết

Câu hỏi 2: Bộ phận nào là trạng ngữ trong câu: “Đêm, tôi không thể chợp mắt dù chỉ một phút.”?

- a/ Đêm b/ một phút c/ không thể d/ chợp mắt

Câu hỏi 3: Sự vật nào được nhân hóa trong câu:

“Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi
Sương hồng lam ôm ấp mái nhà gianh.”

(Đoàn Văn Cừ)

- a/ dải mây trắng b/ đỉnh núi c/ sương hồng lam d/ sương

Câu hỏi 4: Từ “bởi vì” trong câu sau biểu thị quan hệ gì?

“Non xanh bao tuổi mà già
Bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu.”

(Ca dao)

- a/ điều kiện-kết quả b/ nguyên nhân-kết quả
c/ tương phản d/ tăng tiến

Câu hỏi 5: Bộ phận nào là chủ ngữ trong câu: “Tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại.”
(Tục ngữ)

- a/ tốt đẹp phô ra b/ tốt đẹp c/ xấu xa d/ tốt đẹp, xấu xa

Câu hỏi 6: Thành ngữ, tục ngữ nào cùng nghĩa với câu: “Gừng cay muối mặn.”?

- a/ sinh cơ lập nghiệp c/ tình sâu nghĩa nặng
b/ chung lưng đấu cật d/ tre già măng mọc

Câu hỏi 7: Chọn cặp từ phù hợp điền vào chỗ trống: “Tiếng Việt của chúng ta
.....giàu.....đẹp.”

- a/ vừa-đã b/ vừa-vừa c/ do-nên d/ mặc dù-nhưng

Câu hỏi 8: Từ nào khác với các từ còn lại:

- a/ tác nghiệp b/ tác hợp c/ tác giả d/ tác chiến

Câu hỏi 9: Từ “ăn” trong câu nào dùng với nghĩa gốc?

- a/ Làm công ăn lương. b/ Xe ăn xăng.
c/ Quả cam ăn rất ngọt. d/ Cô ấy rất ăn ảnh.

Câu hỏi 10: Từ “kết luận” trong câu: “Những kết luận của ông ấy rất đáng tin cậy.” thuộc từ loại nào?

- a/ đại từ b/ danh từ c/ tính từ d/ động từ

Bài 3: Điền từ

Câu hỏi 1: Điền vào chỗ trống:

“Cảm ơn các bạn dẫu câu
Không là chữ cái nhưng đâu bé người
Dẫutrộn vện câu mà
Không biết dùng sẽ dây cà, dây khoai.”
(Những dẫu câu ơi – Lê Thống Nhất)

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống: “Một kho vàng chẳng bằng mộtchữ.”
(Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam – Giáo sư Nguyễn Lân)

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống:

“Ai ơi ăn ở cho lành
Tu nhân tíchđể dành về sau.”
(Ca dao)

Câu hỏi 4: Điền từ trái nghĩa với “non” vào chỗ trống:

“Nắng non mằm mục mát thôi
Vì đời lúa đỏ mà phơi cho giòn
Nắnghạt gạo thêm ngon
Bụng lưng cơm trắng, nắng còn thơm tho.”

(Tiếng hát mùa gặt – Nguyễn Duy)

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống: “Mềm nắnbuông.”

Câu hỏi 6: Điền vào chỗ trống: “Không chịu khuất phục trước kẻ thù được gọikhuất.” (tr.129 – SGK Tiếng Việt 5 – tập 2)

Câu hỏi 7: Điền vào chỗ trống: Câu tục ngữ: “Người ta là hoa đất” ca ngợi và khẳng định giá trị của controng vũ trụ.”

Câu hỏi 8: Giải câu đố:

Thân em do đất mà thành
Không huyền một cặp rành rành thiếu chi

Khi mà bỏ cái nón đi
Sắc vào thì bụng có gì nữa đâu.
Từ không có dấu huyền là từ gì?

Trả lời: từ

Câu hỏi 9: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: “Ăn ở như bátđầy.” nghĩa là đối xử với nhau trọn tình nghĩa.

Câu hỏi 10: Giải câu đố:

“Thân tôi dùng bắc ngang sông
Không huyền công việc ngư ông sớm chiều
Nặng vào em mẹ thân yêu
Thêm hỏi với “thả” phân nhiều đi đôi.
Từ có dấu hỏi là từ gì?

Trả lời: từ

ĐỀ SỐ 5
VÒNG 17

Bài 1- Trâu vàng uyên bác

1. Nói có sách, mách có
2. Vắt cổ chà ra
3. Cày.....cuốc mướn
4. Cầm kìhọa
5. Phùđộ trì
6. Bàibổ trện
7. Bất khảphạm
8. Cành vàng, lá
9. Khai lập địa
10. Mất lòng trước, được lòng

Bài thi số 2 – Ngựa con dũng cảm

Giúp ngựa nối từng ô bên trái với bên phải để được câu đúng

Ánh nắng hồng tươi
Bầu trời
Những ngọn sóng
Cánh đồng lúa
Họa mi cất tiếng hót
Trời rải mây trắng nhạt
Những con thuyền
Khuôn mặt của bà
Những đám mây
Những chú trâu

thung thăng gặm cỏ.
hiền lành phúc hậu.
như những chiếc chèo bông khổng lồ.
giương buồm ra khơi.
đuổi nhau xô vào bờ.
lạnh lạnh khắp khu vườn.
xua tan làn sương mờ ảo.
cao trong xanh không một gợn mây
biển mơn màng dịu hơi sương.
như một tấm thảm khổng lồ.

Bài 3: Chọn những đáp án đúng:

Câu hỏi 1: Khổ thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

"Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm ngát

a/ chín chắn, chín com, quả chín b/ chân mây, chân trời, chân tóc
c/ miêng túi, miêng hổ, miêng cóc d/ đồng chí, cánh đồng, đồng tiền

Câu hỏi 8: Điền quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Rừng.....gần.....đường lại quá xa.....mọi người ước làm sao có một con đường từ xóm thẳng lên núi để đi được nhanh chóng."

a/ nhờ.....mà.....nên

b/ do.....nên....nhưng.....

c/ vì.....nên.....nhưng.....

d/ tuy.....nhưng.....nên.....

Câu hỏi 9: Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

a/ xác suất

b/ trạm trở

c/ sơ suất

d/ xô số

Câu hỏi 10: Câu thơ nào dưới đây không xuất hiện trong bài thơ "Cao Bằng"?

a/ Ông lành như hạt gạo

b/ Đầu tiên là mặn ngọt

Bà hiền như suối trong

Đón mời ta dịu dàng

c/ Đồng vàng hoe lúa trở

d/ Đã dâng đến tận cùng

Khói nở xoà như bông

Hết tầm cao Tổ quốc

ĐỀ SỐ 6

Bài 1: Ngựa con dững cảm

Lan vừa học giỏi
Ăn trông nòi
Cánh điều mềm mại
Tiếng gió vi vu
Bán anh em xa
Nhai kĩ no lâu
Nếu trời mưa
Đi một ngày đàng
Tuy trời mưa
Khoai đất lạ

ngồi trông hường.
như tiếng sáo.
nhưng em vẫn đi học.
như cánh bướm.
học một sàng khôn.
vừa hát hay.
thì em sẽ nghỉ học.
mua lán giềng gần
mạ đất quen.
cày sâu tốt lúa.

Bài 2: Hổ con thiên tài:

Câu 1: chấ*t*/nhiều/phung/chịu/Í*t*/hơn/còn/phí*t*/.

Câu 2: đi/một/li/Sai/một/dặ*m*.

Câu 3: còn/trông/Tô*i*/bè/đi/nhiều/nay/cá*y*

Câu 4: Đò*i*/minh/./á*nh*/dướ*i*/bình/son/nằ*m*/tho*a*

Câu 5: học/nhà/Vì/chú/ngheò/bỏ/phả*i*/nê*n*/.

Câu 6: ./hồ*i*/mưa/cà*y*/thó*t*/Mồ/thá*nh*/nhu/ruộ*ng*

Câu 7: com/đầ*y*/Ai/bá*t*/bư*ng*/o*i*

Câu 8: Dẻo/một/muôn/hạ*t*/tho*m*/phầ*n*/cay/./đắ*ng*

Câu 9: đĩ*nh*/Son/Mây/só*m*/chiều/mù/./che/Trườ*ng*

Câu 10: mới/đế*n*/châ*n*./Nướ*c*/nhắ*y*

Bài 3: Trắc nghiệm

Câu 1: Câu thơ: “Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao” sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- a/ so sánh b/ nhân hóa c/ đảo ngữ d/ câu hỏi tu từ

Câu 2: Trong các câu dưới đây, câu nào là câu hỏi và cần đặt dấu chấm hỏi ở cuối câu?

- a/ Tôi tin bạn ấy biết phải làm gì
b/ Tôi không hiểu tại sao bạn ấy lại lười như vậy
c/ Tôi nghĩ bạn sẽ biết đáp án câu hỏi này là gì
d/ Cậu đã đọc xong quyển sách này chưa

Câu 3: Điền dấu câu thích hợp vào câu sau: “Ôi chao () chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao ()”

- a/ dấu phẩy b/ dấu chấm c/ dấu chấm than d/ dấu ba chấm

Câu 4: Từ “cao thượng” được hiểu là gì?

- a/ đứng ở vị trí cao nhất
b/ cao vượt lên trên cái tầm thường, nhỏ nhen
c/ có quyết định nhanh chóng và dứt khoát
d/ chăm chỉ, nhanh nhẹn, cẩn thận

Câu 5: Câu nào dưới đây sử dụng sai dấu câu?

- a/ Nam ơi! Cậu có đi học không?
b/ Đất nước mình đẹp lắm!
c/ Vừa thông minh lại vừa đáng yêu thế?
d/ Trên cánh đồng, đàn trâu đang thung thững gặm cỏ.

Câu 6: Từ “là” trong câu nào dưới đây không phải là từ so sánh?

- a/ Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi.
b/ Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh.
c/ Mẹ là đất nước, tháng ngày của con.
d/ Đối với Chuồn Chuồn, họ Dê chúng tôi là lán giềng lâu năm.

Câu 7: Dấu phẩy trong câu: “Tùng, cúc, trúc, mai biểu tượng cho những đức tính của người quân tử.” có tác dụng gì?

- a/ Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.
b/ Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ
c/ Ngăn cách các vế câu trong câu ghép
d/ Kết thúc câu cảm thán, câu khiến.

Câu 8: Từ nào có nghĩa là cách giải quyết đặc biệt hiệu nghiệm và ít người biết?

a/ bí ần

b/ bí bách

c/ bí hiểm

d/ bí quyết

Câu 9: Bài thơ “Bầm ơi” do nhà thơ nào sáng tác?

a/ Tố Hữu

b/ Hoàng Trung Thông

c/ Trương Nam Hương

d/ cả 3 đáp án sai.

Câu 10: Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống:

“Con đi đánh giặc mười năm

Chưa bằng đòi bầm sáu mươi.”? (Bầm ơi, Tố Hữu)

a/ khó nhọc

b/ vất vả

c/ gian khổ

d/ khó khổ

ÔN TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 5 – VÒNG 17
ĐỀ SỐ 7

Bài 1: Trâu vàng uyên bác

Câu 1: Chọn mặt gửi

Câu 2: Gậy đập lưng ông.

Câu 3: Kính lão đặc

Câu 4: Chín tháng mười

Câu 5: Mất lòng trước, được lòng

Câu 6: Chim cá lặn

Câu 7: Coi trời bằng

Câu 8: Con sâu bỏ rầu nòi

Câu 9: Gần nhà xa

Câu 10: Ngồi mát ăn bát

Bài 2: Ngựa con dũng cảm

Hàng ngàn bông hoa gạo
Cây gạo sừng sững
Những đám mây trắng
Cười người hôm trước
Mặt trăng tròn vành vạnh
Hoa bàng
Sông xuân
Đồng cỏ
Hoàng bàng lãng nhẽ
Núi như chiếc nón

như một cái mâm ngọc khổng lồ.
như một tháp đèn khổng lồ.
hôm sau người cười.
nhỏ li ti ẩn sau tán lá.
nước lẫn màu trời thêm xuân.
tím biếc một góc phố.
là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi.
như những chiếc chăn bồng khổng lồ.
như một tấm thảm xanh ngất.
nhấp nhô giữa trời.

Bài 3 – Trắc nghiệm

Câu 1: Từ “chú” trong câu nào dưới đây là đại từ?

a/ Chú tôi có khuôn mặt chữ điền với làn da ngăm khỏe mạnh.

b/ Chú trầm ngâm rồi lặng lẽ bước đi.

c/ Bố cháu rất thích chơi cờ với chú.

d/ Cả bố và chú tôi đều thích chơi cờ.

Câu 2: Vị quan xử kiện trong bài học “Phân xử tài tình” có những phẩm chất gì?

- a/ Hào hoa, phong nhã b/ Tài giỏi, công minh
c/ Nhân hậu, độ lượng d/ Hà hiệp, nhân từ

Câu 3: Có bao nhiêu lỗi sai chính tả trong đoạn văn sau?

Những bác dô già rô cụ lực lưỡng, đầu đuôi đen sì lẫn với màu bùn. Những cậu rô đực cường tráng, mình dài mốc thốc.

- a/ 2 b/ 3 c/ 4 d/ 5

Câu 4: Thành ngữ nào dưới đây không chỉ nơi con người sinh ra?

- a/ Quê hương bản quán b/ Quê cha đất tổ
c/ Đất khách quê người d/ Nơi chôn rau cắt rốn

Câu 5: Câu ghép nào dưới đây biểu thị quan hệ tương phản?

- a/ Nếu hôm nay trời nắng đẹp thì chúng em được đi tắm biển.
b/ Tuy Hương không khỏe nhưng bạn ấy vẫn cố gắng đi học đều.
c/ Lan không những học giỏi mà còn múa rất đẹp.
d/ Vì cuối tháng này tôi thi học kỳ nên tôi phải học hành thật chăm chỉ.

Câu 6: Khổ thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

“Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm ngát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.”

(Nguyễn Đình Thi)

- a/ đảo ngữ b/ điệp ngữ c/ nhân hóa d/ so sánh

Câu 7: Giải câu đố:

Nhờ tôi cuộc sống tươi xanh
Mưa hòa gió thuận trong lành không gian
Khi rơi mất nón trên ngàn
Chuối, cam chẳng thấy, thấy toàn ớt thôi.
Đó là chữ gì?

- a/ con b/ cao c/ cay d/ cây

Câu 8: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

- a/ suất bản b/ sứ sở c/ xóng xánh d/ sản xuất

Câu 9: Dòng nào dưới đây có chứa những từ đồng âm?

- a/ chín chắn, chín cơm, quả chín b/ chân mày, chân trời, chân tóc
c/ miệng túi, miệng hồ, miệng cốc d/ đồng chí, cánh đồng, đồng tiền

Câu 10: Câu văn “Cánh đồng lúa chín hay một tấm thảm màu vàng không lồ” có một quan hệ từ chưa đúng. Cần phải thay thế bằng quan hệ từ nào dưới đây?

a/ nên

b/ tuy

c/ và

d/ như

ÔN TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 5 – VÒNG 17
ĐỀ SỐ 8

Bài 1: Trâu vàng uyên bác

Câu 1: Áogắm..... về làng.

Câu 2: Ăn mít bỏxơ.....

Câu 3: Hồngnhan..... bạc mệnh

Câu 4: Sự thật mấtlòng.....

Câu 5: Tài tử giainhân.....

Câu 6: Tay làm, hàmnhai.....

Câu 7: Thân lừaư..... nặng

Câu 8: Thiênbiển..... vạn hóa

Câu 9: Thiênbinh..... vạn mã

Câu 10: Đa sầuđa..... cảm

Bài 2: Ngựa con dũng cảm

Những đám mây
Cánh đồng lúa
Những ngọn sóng
Ánh nắng hồng tươi
Khuôn mặt của bà
Trời rải mây trắng nhạt,
Họa mi cất tiếng hót
Những con thuyền
Những chú trâu
Bầu trời

đuổi nhau xô vào bờ.
giương buồm ra khơi.
như một tấm thảm khổng lồ.
lạnh lạnh khắp khu vườn.
Xua tan làn sương mờ ảo.
biển mơ màng dịu hơi sương.
cao trong xanh không một gợn mây.
hiền lành phúc hậu.
như những chiếc chăn bông khổng lồ.
thung thăng gặm cỏ.

Bài 3 – Trắc nghiệm

Câu 1: Từ “chú” trong câu nào dưới đây là đại từ?

- a/ Chú tôi có khuôn mặt chữ điền với làn da ngăm khỏe mạnh.
- b/ Chú trầm ngâm rồi lặng lẽ bước đi.
- c/ Bố cháu rất thích chơi cờ với chú.
- d/ Cả bố và chú tôi đều thích chơi cờ.

Câu 2: Vị quan xử kiện trong bài học “Phân xử tài tình” có những phẩm chất gì?

- a/ Hào hoa, phong nhã
- b/ Tài giỏi, công minh

c/ Nhân hậu, độ lượng d/ Hà hiệp, nhân từ

Câu 3: Có bao nhiêu lỗi sai chính tả trong đoạn văn sau?

Những bác dô già rô cụ lực lưỡng, đầu đuôi đen sì lẫn với màu bùn. Những cậu rô đực cường tráng, mình dài mốc thốc.

a/ 2 b/ 3 c/ 4 d/ 5

Câu 4: Thành ngữ nào dưới đây không chỉ nơi con người sinh ra?

a/ Quê hương bản quán b/ Quê cha đất tổ
c/ Đất khách quê người d/ Nơi chôn rau cắt rốn

Câu 5: Câu ghép nào dưới đây biểu thị quan hệ tương phản?

a/ Nếu hôm nay trời nắng đẹp thì chúng em được đi tắm biển.
b/ Tuy Hương không khỏe nhưng bạn ấy vẫn cố gắng đi học đều.
c/ Lan không những học giỏi mà còn múa rất đẹp.
d/ Vì cuối tháng này tôi thi học kỳ nên tôi phải học hành thật chăm chỉ.

Câu 6: Khổ thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

“Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm ngát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.”

(Nguyễn Đình Thi)

a/ đảo ngữ b/ điệp ngữ c/ nhân hóa d/ so sánh

Câu 7: Giải câu đố:

Nhờ tôi cuộc sống tươi xanh
Mưa hòa gió thuận trong lành không gian
Khi rơi mát nón trên ngàn
Chuối, cam chẳng thấy, thấy toàn ớt thôi.

Đó là chữ gì?

a/ con b/ cao c/ cay d/ cây

Câu 8: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

a/ suất bản b/ sứ sở c/ xóng xánh d/ sản xuất

Câu 9: Dòng nào dưới đây có chứa những từ đồng âm?

a/ chín chắn, chín cơm, quả chín b/ chân mày, chân trời, chân tóc
c/ miệng túi, miệng hố, miệng cốc d/ đồng chí, cánh đồng, đồng tiền

Câu 10: Câu văn “Cánh đồng lúa chín hay một tấm thảm màu vàng khổng lồ” có một quan hệ từ chưa đúng. Cần phải thay thế bằng quan hệ từ nào dưới đây?

a/ nên b/ tuy c/ và d/ như

ÔN TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 5 – VÒNG 17
ĐỀ SỐ 9

Bài 1: Trâu vàng uyên bác

Câu 1: Áo về làng.

Câu 2: Đói cho sạch rách cho

Câu 3: Ăn mít bỏ

Câu 4: Đa sầu cảm

Câu 5: Sự thật mất

Câu 6: Tài tử giai

Câu 7: Tày làm, hàm

Câu 8: Thân lừa nặng

Câu 9: Thiên vạn hóa

Câu 10: Thiên vạn mã

Bài 2: Ngựa con dũng cảm

Những đám mây
Cánh đồng lúa
Những ngọn sóng
Ánh nắng hồng tươi
Khuôn mặt của bà
Trời rải mây trắng nhạt,
Họa mi cất tiếng hót
Những con thuyền
Những chú trâu
Bầu trời

đuổi nhau xô vào bờ.
giương buồm ra khơi.
như một tấm thảm khổng lồ.
lạnh lạnh khắp khu vườn.
Xua tan làn sương mờ ảo.
biển mơ màng dịu hơi sương.
cao trong xanh không một gợn mây.
hiền lành phúc hậu.
như những chiếc chăn bông khổng lồ.
thung thăng gặm cỏ.

Bài 3: Trắc nghiệm 1

Câu 1: Có bao nhiêu lỗi sai chính tả trong đoạn văn sau?

Những bác dô già rô cụ lực lưỡng, đầu đuôi đen sì lẫn với màu bùn. Những cậu rô đực cường tráng, mình dài mốc thếc.

a/ 2

b/ 3

c/ 4

d/ 5

Câu 2: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

a/ suất bản

b/ sứ sở

c/ xóng xánh

d/ sản xuất

Câu 3: Thành ngữ nào dưới đây không chỉ nơi con người sinh ra?

- a/ Quê hương bản quán b/ Quê cha đất tổ
c/ Đất khách quê người d/ Nơi chôn rau cắt rốn

Câu 4: Câu văn “Cánh đồng lúa chín hay một tấm thảm màu vàng không lồ” có một quan hệ từ chưa đúng. Cần phải thay thế bằng quan hệ từ nào dưới đây?

- a/ nên b/ tuy c/ và d/ như

Câu 5: Câu ghép nào dưới đây biểu thị quan hệ tương phản?

- a/ Nếu hôm nay trời nắng đẹp thì chúng em được đi tắm biển.
b/ Tuy Hương không khỏe nhưng bạn ấy vẫn cố gắng đi học đều.
c/ Lan không những học giỏi mà còn múa rất đẹp.
d/ Vì cuối tháng này tôi thi học kỳ nên tôi phải học hành thật chăm chỉ.

Câu 6: Trong các câu sau, câu nào có sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất?

- a/ Con mèo có bộ lông màu vàng óng mượt, nó vừa nhảy qua cửa sổ.
b/ Sao hôm nay trời âm u thế?
c/ Năm nay, tôi sẽ cố gắng đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp huyện.
d/ Ai đi qua cũng đều ngạc nhiên trước vẻ đẹp của Hồ Gươm.

Câu 7: Dòng nào dưới đây có chứa những từ đồng âm?

- a/ chín chắn, chín cơm, quả chín b/ chân mày, chân trời, chân tóc
c/ miệng túi, miệng hố, miệng cốc d/ đồng chí, cánh đồng, đồng tiền

Câu 8: Vị quan xử kiện trong bài học “Phân xử tài tình” có những phẩm chất gì?

- a/ Hào hoa, phong nhã b/ Tài giỏi, công minh
c/ Nhân hậu, độ lượng d/ Hà hiệp, nhân từ

Câu 9: Khổ thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

“Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm ngát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.”

(Nguyễn Đình Thi)

- a/ đảo ngữ b/ điệp ngữ c/ nhân hóa d/ so sánh

Câu 10: Giải câu đố:

Nhờ tôi cuộc sống tươi xanh
Mưa hòa gió thuận trong lành không gian
Khi rơi mắt nón trên ngàn
Chuối, cam chẳng thấy, thấy toàn ớt thôi.
Đó là chữ gì?

a/ con

b/ cao

c/ cay

d/ cây

Bài 4 – Trắc nghiệm 2

Câu 1: Các từ gạch chân sau có quan hệ với nhau như thế nào?

“ăn cơm, ăn cười, ăn ảnh”

a/ trái nghĩa

b/ đồng nghĩa

c/ đồng âm

d/ nhiều nghĩa

Câu 2: Câu “Cháu có thể lấy giúp cô quyển sách này được không?” được dùng với mục đích gì?

a/ trần thuật

b/ nghi vấn

c/ cảm thán

d/ cầu khiến

Câu 3: Câu nào sau đây được tách đúng bộ phận chủ ngữ và vị ngữ?

a/ Màu tối lan dần/ dưới từng góc cây, ngả dài trên thảm cỏ, rồi đổ lổm đổm trên lá cành, trên những vòm xanh rậm rạp.

b/ Nắng bắt đầu rút lên những chòm cây cao, rồi nhạt dần và như/ hòa lẫn với ánh sáng trắng nhợt cuối cùng.

c/ Bóng tối như bức màn mỏng, như/ thứ bụi xốp, mờ đen, phủ dần lên mọi vật.

d/ Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, những chùm hoa khép miệng/ bắt đầu kết trái.

Câu 4: Câu “Những ngôi sao lấp lánh như pha lê.” thuộc câu kiểu nào dưới đây?

a/ Ai làm gì?

b/ Ai là gì?

c/ Ai thế nào?

d/ Ở đâu

Câu 5: Đoạn văn sau có bao nhiêu câu ghép?

“Sau một hồi len lách mãi miết, rẽ bụi rậm, chúng tôi nhìn thấy một bãi cây khộp. Rừng khộp hiện ra trước mắt chúng tôi, lá úa vàng như cảnh mùa thu. Tôi dụi mắt. Những sắc vàng động đậy. Mấy con mang vàng hết như màu lá khộp đang ăn cỏ non. Những chiếc chân vàng giẫm trên thảm lá vàng và sắc nắng cũng rực vàng trên lưng nó. Chỉ có mấy vạt cỏ xanh biếc là rực lên giữa cái gang sơn vàng rọi.”

(Theo Nguyễn Phan Hách)

a/ 1

b/ 2

c/ 3

d/ 4

Câu 6: Vì sao nhà thơ Trần Đăng Khoa trong bài “Hạt gạo làng ta” lại gọi hạt gạo là hạt vàng?

a/ Vì hạt gạo nó màu vàng.

b/ Vì phải có vàng mới đổi được gạo.

c/ Vì hạt gạo giống hạt vàng.

d/ Vì hạt gạo rất quý giá.

Câu 7: Khổ thơ sau có bao nhiêu lỗi sai chính tả?

“Dù dập mặt cùng biển rộng

Cửa sông chẳng dứt cội nguồn
Lá xanh mỗi lần chôi xuống
Bồng nhớ một vùng núi non.”

(Theo Quang Huy)

a/ 1 b/ 2 c/ 3 d/ 4

Câu 8: Dòng nào sau đây chỉ gồm các từ viết đúng chính tả?

a/ dãi dầu, dễ giải, rồi rãi b/ xì xào, xích mích, lộn xộn
c/ loãn xoăn, xác suất, xoay xở d/ xối xả, phỏ xá, sướng xả

Câu 9: Thành ngữ, tục ngữ nào sau đây viết sai?

a/ Ăn chọn nơi, chơi chọn bạn b/ Ăn ở như bát nước đầy
c/ Sâu ao, cao bờ d/ Khoai ruộng lạ, mạ ruộng sâu.

Câu 10: Giải câu đố sau:

Mặt trời thức giấc phía tôi

Thêm huyền là chốn cho người làm ăn.

Từ thêm huyền là từ nào?

a/ nhà b/ đồng c/ trường d/ đường

Bài 5: Trắc nghiệm 3

Câu 1: Thành ngữ nào sau đây viết sai?

a/ Trai thanh gái lịch b/ Trai tài gái giỏi
c/ Tài cao đức trọng d/ Tài hèn đức mọn

Câu 2: Có bao nhiêu cặp từ trái nghĩa trong câu thơ sau?

“Chị buồn nhớ những ngày qua
Em vui nghĩ những ngày xa đang gần.”

(Trần Đăng Khoa)

a/ 1 b/ 2 c/ 3 d/ 4

Câu 3: Khổ thơ sau đây sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

“Mưa đầu mùa báo hè về

Cây xoan biêng biếc, tiếng ve trầu cành

Từ trong thăm thẳm lá xanh

Phượng hồng đã nhú môi xinh thẹn thùng.”

(Theo Nguyễn Lâm Thắng)

a/ so sánh b/ nhân hóa c/ đảo ngữ d/ nhân hóa và so sánh

Câu 4: Các từ gạch chân sau có quan hệ với nhau như thế nào?

“đồng tiền, đồng đội, cánh đồng”

a/ đồng nghĩa b/ trái nghĩa c/ nhiều nghĩa d/ đồng âm

Câu 5: Có bao nhiêu quan hệ từ trong câu văn sau?

“Nhưng những hàng cau làng Dạ thì bất chấp tất cả sức mạnh tàn bạo của mùa đông, chúng vẫn còn y nguyên những tàu lá vắt vẻo mềm mại như cái đuôi én.”

(Theo Ma Văn Kháng)

a/ 1

b/ 2

c/ 3

d/ 4

Câu 6: Câu sau đây có vị ngữ là gì?

“Nhưng con cuốc đen trùi trùi len lỏi giữ các bụi ven bờ.”

a/ con cuốc đen trùi trùi

b/ đen trùi trùi len lỏi giữa các bụi ven bờ

c/ len lỏi giữ các bụi ven bờ

d/ trùi trùi len lỏi giữ các bụi ven bờ

Câu 7: Điền các địa danh thích hợp vào chỗ trống:

“Sau khi vượt ...

Ta lại vượt ...

Lại vượt đèo

Thì ta tới”

“Trúc Thông”

a/ Đèo Giàng, Điện Biên, Cao Bắc, Đèo Gió

b/ Đèo Gió, Tây Nguyên, Sa Pa, Cao Bằng

c/ Đèo Gió, Đèo Giàng, Cao Bắc, Cao Bằng

d/ Đèo Giàng, Đà Lạt, Cao Bắc, Cao Bằng

Câu 8: Đoạn văn sau đây có bao nhiêu lỗi sai chính tả?

“Nhưng cô con gái có bề ngoài rắn giỏi là thế lại là người hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương. Có bữa đi xem phim, những cảnh ngộ trong phim làm Châm khóc gần xuất buổi. Đêm ấy ngủ, trong giấc mơ, Châm lại khóc, mất bao nhiêu nước mắt.”

(Theo Đào Vũ)

a/ 1

b/ 2

c/ 3

d/ 4

Câu 9: Dòng nào sau đây gồm các từ viết đúng chính tả?

a/ trau dồi, dồi dào, dễ rành, dả dối

b/ xem xét, xét xử, xác suất, xa xỉ

c/ che dấu, rầu rĩ, réo rắt, rảnh dỗi

d/ ranh giới, giàn giụa, trung cất, xào xạc

Câu 10: Giải câu đố sau:

Đẻ nguyên có nghĩa là mình

Nặng vào mười yển góp thành chẳng sai.

Từ đẻ nguyên là từ gì?

a/ vai

b/ ta

c/ răng

d/ thân

ĐỀ SỐ 10

Bài 1: Trâu vàng uyên bác

Câu 1: Mâm cao đầy

Câu 2: Nhất tự vi siw, bán tự vi

Câu 3: Nói có sách, mách có

Câu 4: Điều lẽ phải.

Câu 5: Nuôi tay áo

Câu 6: Nước chảy, đá

Câu 7: Nước lũ vã nên

Câu 8: Nước sôi lửa

Câu 9: Ở chọn nơi, chọn bạn

Câu 10: Phù độ trì

Bài 2: Ngựa con dũng cảm

Đi một ngày đàng
Tuy trời mưa
Nếu trời mưa
Nhai kĩ no lâu
Khoai đất lạ
Bán anh em xa
Ăn trông nồi
Cánh điều mềm mại
Lan vừa học giỏi
Tiếng gió vi vu

ngồi trông hướng.
như tiếng sáo.
nhưng em vẫn đi học.
như cánh bướm.
học một sàng khôn.
vừa hát hay.
thì em sẽ nghỉ học.
mua lán giềng gần
mạ đất quen.
cày sâu tốt lúa.

Bài 3: Trắc nghiệm 1:

Câu 1: Câu thơ: “Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao” sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

a/ so sánh

b/ nhân hóa

c/ đảo ngữ

d/ câu hỏi tu từ

Câu 2: Trong các câu dưới đây, câu nào là câu hỏi và cần đặt dấu chấm hỏi ở cuối câu?

a/ Tôi tin bạn ấy biết phải làm gì

b/ Tôi không hiểu tại sao bạn ấy lại lười như vậy

c/ Tôi nghĩ bạn sẽ biết đáp án câu hỏi này là gì

d/ Cậu đã đọc xong quyển sách này chưa

a/ dấu phẩy b/ dấu chấm c/ dấu chấm than d/ dấu ba chấm

- a/ đứng ở vị trí cao nhất
- b/ cao vượt lên trên cái tầm thường, nhỏ nhen
- c/ có quyết định nhanh chóng và dứt khoát
- d/ chăm chỉ, nhanh nhẹn, cẩn thận

a/ Nam ơi! Cậu có đi học không?
b/ Đất nước mình đẹp lắm!
c/ Vừa thông minh lại vừa đáng yêu thế?
d/ Trên cánh đồng, đàn trâu đang thung thững gặm cỏ.

a/ Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi.
b/ Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh.
c/ Mẹ là đất nước, tháng ngày của con.
d/ Đối với Chuồn Chuồn, họ Dê chúng tôi là lán giềng lâu năm.

a/ Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.
b/ Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ
c/ Ngăn cách các vế câu trong câu ghép
d/ Kết thúc câu cảm thán, câu khiến.

a/ bí ãn b/ bí bách c/ bí hiêm d/ bí quyết

a/ Tổ Hữu b/ Hoàng Trung Thông
c/ Trương Nam Hương d/ cả 3 đáp án sai.

a/ khó nhọc b/ vất vả c/ gian khổ d/ khó khăn

Bài 4: Trắc nghiệm 2:

Câu 1: Giải câu đố sau:

Nhỏ hơn bốn lớn hơn hai

Đi liền hai tiếng có mai như rùa.

Từ đi liền hai tiếng là từ gì?

- a/ chuồn chuồn b/ ba ba c/ châu chấu d/ cào cào

Câu 2: Điền cặp từ trái nghĩa vào chỗ trống để hoàn thành câu tục ngữ sau:

..... cây cha, cây con.

- a/ bé – lớn b/ trẻ - già c/ tốt – xấu d/ nhanh –chậm

Câu 3: Trong câu văn nào dưới đây, từ “chân” được dùng với nghĩa gốc?

- a/ Bàn có bốn chân. b/ Bé đau chân.
c/ Chân trời rất xa. d/ Ngôi nhà được xây dưới chân núi.

Câu 4: Nhóm từ nào sau đây là những quan hệ từ?

- a/ đi, đứng, ở b/ thì, hoặc, sẽ c/ mà, thì, bằng d/ đã, đang, vẫn

Câu 5: Câu văn nào dưới đây có sử dụng phép nhân hóa?

- a/ Những bông hoa tỏa hương thơm ngát.
b/ Tre bần thân nhớ gió.
c/ Ngôi nhà như trẻ nhỏ.
d/ Con đường rộng thênh thang.

Câu 6: Câu nào dưới đây là câu ghép?

- a/ Lưng con cào cào và đôi cánh mỏng mảnh của nó tô màu tía, nom đẹp lạ.
b/ Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, nhưng chùm hoa khép miệng bắt đầu kết trái.
c/ Cái hương vị ngọt ngào nhất của tuổi học trò còn đọng lại mãi trong tâm hồn chúng em.
d/ Cây được mọc dài tăm tắp, cây nào cây nấy thẳng như cây nến khổng lồ.

Câu 7: Từ nào sau đây có nghĩa là “để cố định đã lâu, không thay đổi”?

- a/ lưu luyến b/ lưu ý c/ lưu cữu d/ lưu tâm

Câu 8: Những câu thơ nào sau đây không có trong bài thơ “Cao Bằng” của Trúc Thông?

- a/ Ông lành như hạt gạo/ Bà hiền như suối trong.
b/ Lại lặng thầm trong suốt/ Như suối khuất rì rào.
c/ Khu vườn hoang vắng im/ Bỗng râm ran khắp lối.
d/ Vì ta mà giữ lấy/ Một dải dài biên cương.

Câu 9: Câu văn nào dưới đây không có lỗi sai chính tả?

a/ Rễ cao từ ba bốn thước tua tua giương ra trung quanh như những cánh tay từ trong thân cây thò ra bám đất.

b/ Nắng trời vừa bắt đầu gay gắt thì sắc hoa như muốn giảm đi độ chói chang của mình.

c/ Mây từ trên cao theo các sườn núi trườn xuống, chốc chốc lại reo một đợt mưa bụi trên những mái lá chít bạc trắng.

d/ Con suối lớn ồn ào, quanh co đã thu mình lại, phô những rải sỏi cuội nhẵn nhụi sạch sẽ.

Câu 10: Đoạn văn sau đây có bao nhiêu lỗi sai chính tả?

“Đêm chầm chậm buông. Mặt trăng tròn xoe như chiếc đĩa bạc từ từ nhô lên khỏi ngọn tre cong vút. Gió nồm lam mát rượi từ sông thổi vào tung bay cả tấm màn cửa sổ. Ánh trăng vàng rịu tỏa sáng khắp bầu trời, bao trùm lên vạn vật. Nhưng cây lá im lìm, mệt mỏi, héo dũ vì cái nắng oi nồng của ban ngày giờ tươi vui trở lại, lay động rì rào trong gió. E ấp nơi vườn nhà, khóm nhài khe khẽ bung nở những cánh hoa trắng ngần, thơm ngát. Dạ hương, thiên lí, móng rồng dịu dàng đưa hương. Trăng tưới đầm tàu cau lấp lánh sương đêm, dội qua kẽ lá, soi tỏ con đường làng.”

(Theo Lam Hồng)

a/ 1

b/ 2

c/ 3

d/ 4

Bài 5: Trắc nghiệm 3

Câu 1: Giải câu đố:

Giữ nguyên đo đếm về hình

Mất đi quả trứng biến thành ba hoa.

Từ đề nguyên là từ gì?

a/ thước

b/ to

c/ toán

d/ hình

Câu 2: Thành ngữ, tục ngữ nào sau đây viết sai?

a/ Muôn người như một

b/ Chịu thương chịu nhọc

c/ Dám nghĩ dám làm

d/ Uống nước nhớ nguồn

Câu 3: Câu nào dưới đây là câu ghép?

a/ Trắng muốt, nhỏ nhoi, e ấp, hoa ngọc lan tự nép mình trong vòm lá xanh nhưng vẫn không giấu nổi mùi hương thơm ngát lan tỏa.

b/ Mặt trời đã xuống núi được một lát nhưng phong cảnh vẫn rõ nét trong ánh hoàng hôn êm dịu.

c/ Mới chớm hè nhưng mặt trời như đang muốn phả hơi nóng như thiêu như đốt của nó lên bầu không gian vẫn còn dư âm của mùa xuân tươi đẹp.

d/ Một đôi nơi, rừng được trang điểm bởi những bụi nhài dại, kết thành những tràng hoa gồm những dây mỏng mảnh nở hoa hồng hồng.

Câu 4: Cặp quan hệ từ nào có thể điền được vào chỗ trống trong câu sau:

“....chúng ta chăm chỉ học hành bố mẹ sẽ rất vui lòng.”

a/ Tuy Nhưng

b/ Nếu ... thì

c/ Chẳng những ... mà

d/ Mặc dù nhưng

Câu 5: Tiếng “sườn” trong từ nào dưới đây dùng với nghĩa gốc?

a/ sườn núi

b/ sườn nhà

c/ xương sườn

d/ sườn xe đạp

Câu 6: Đoạn văn sau đây có bao nhiêu lỗi sai chính tả?

“Trên những ngọn coi già nua cổ thụ, nhưng chiếc lá vàng cuối cùng còn sót lại đang khua lao xao trước khi từ rã thân mẹ đơn sơ. Nhưng những hàng cau làng Dạ thì bất chấp tất cả sức mạnh tàn bạo của mùa đông, chúng vẫn còn y nguyên những tàu lá vắt vẻo mềm mại như cái đuôi én. Trên nền đất rắn lại vì giá lạnh, nhưng đợt lá non vẫn đang xòe, vàng nhạt và những cây cau vẫn duyên dáng, đu đưa thân mình, tưởng như chúng sinh ra còn là để trang điểm cho thôn bản làng Dạ thêm vẻ thanh tú, nhẹ nhàng.”

(Theo Ma Văn Kháng)

a/ 1

b/ 2

c/ 3

d/ 4

Câu 7: Dòng nào dưới đây gồm các từ viết đúng chính tả?

a/ đường sá, xót xa, xót sắng

b/ xây xát, sát xao, sụt sịt

c/ xuất trình, sung đột, sum xuê

d/ rành mạch, dềnh dằng, trà trộn

Câu 8: Những câu thơ sau đây sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

“Ngôi nhà giống bài thơ sắp làm xong

Là bức tranh còn nguyên màu vôi gạch”

(Theo Đồng Xuân Lan)

a/ nhân hóa

b/ so sánh

c/ đảo ngữ

d/ so sánh và nhân hóa

Câu 9: Điền từ còn thiếu vào đoạn thơ sau:

“Đã dâng đến tận cùng

Hết tầm cao Tổ quốc

Lại trong suốt

Như suối khuát

(Theo Trúc Thông)

a/ nhẹ nhàng – vội vàng

b/ lặng thầm – trong sáng

c/ nhẹ nhàng – rì rào

d/ lặng thầm – rì rào

Câu 10: Những câu thơ sau trích trong bài thơ nào?

“Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu
Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.
Tìm nơi bờ biển sóng tràn
Hàng cây chắn bão dịu dàng mùa hoa.”

(Theo Nguyễn Đức Mậu)

- | | |
|--------------------|---------------------------|
| a/ Trước công trời | b/ Hành trình của bảy ong |
| c/ Tiếng vọng | d/ Sắc màu em yêu |

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

ĐỀ SỐ 1

Bài 1: Trâu vàng uyên bác.

Em hãy giúp Trâu vàng điền chữ cái, từ, số, ký hiệu toán học hoặc phép tính phù hợp vào ô trống còn thiếu.

1. Trẻ trông **.na....** già trông chuối.
2. Cha **...sinh.....** mẹ dưỡng.
3. Cánh hồng **...bay....** bông.
4. Được **....voi...** đòi tiên.
5. Được mùa **...cau.....** đau mùa lúa.
6. Cày **.....sâu..** cuộc bầm.
7. Con rồng cháu **...tiên.....**
8. Bĩ cực thái **....lai.....**
9. Dục **....tốc.....** bất đạt.
10. Tay làm hàm nhai **....tay.....** quai miệng trễ.

Bài 2: Phép thuật mèo con: Hãy ghép 2 ô trống chứa nội dung tương đồng hoặc bằng nhau thành đôi.

Đất nước = Xã tắc	Chất phác = Thật thà
Nhà thờ = Giáo đường	Đường cày = Sá cày
Bom nguyên tử = Bom A	Bom H = Bom khinh khí
Xin được trợ giúp = Cầu viện	Chức sắc trong đạo Hồi = Giáo sĩ
Loài cua nhỏ = Con da	Ăn lót dạ = Điểm tâm

Bài 3: Em hãy đọc kỹ câu hỏi và ĐIỀN vào chỗ trống hoặc CHỌN 1 trong 4 đáp án cho sẵn.

Câu hỏi 1: Không giữ kín, mà để mọi người đều có thể biết thì được gọi là gì?

- A - Công khai B - Công hữu C - Công cộng D - Công dân

Câu hỏi 2: Thành ngữ nào sau đây không nói về vẻ đẹp của thiên nhiên?

- A - Sơn thủy hữu tình B - Hương đồng gió nội
C - Non xanh nước biếc D - Một nắng hai sương

Câu hỏi 3: Chủ ngữ trong câu "Phía trên dải đê chạy dài rạch ngang tầm mắt, ai đã ném bốn năm mảng mây hồng to tướng." là từ nào?

- A - Phía trên B - Dải đê C - Mây hồng D - Ai

Câu hỏi 4: Trong các từ sau, từ nào phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ:
"Cần câu uốn cong lưỡi sóng

Thuyền ai ... trăng đêm"

A - **lấp lóa** B - lấp lánh C - long lanh D - long lánh

Câu hỏi 5: Từ loại nào trong các từ loại sau được dùng với nghĩa miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật?

A - Danh từ B - Động từ C - **Tính từ** D - Đại từ

Câu hỏi 6: Từ nào trong các từ loại sau được dùng với nghĩa nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa chúng với nhau?

A - Động từ B - Đại từ C - **Quan hệ từ** D - Tính từ

Câu hỏi 7: Từ “đá” trong câu “Con ngựa đá con ngựa đá.”, có quan hệ với nhau như thế nào?

A - **Đồng âm** B - Đồng nghĩa C - Trái nghĩa D - Nhiều nghĩa

Câu hỏi 8: Cho đoạn thơ:

"Thuyền ta chầm chậm vào Ba Bể

Núi dựng cheo leo, hồ lặng im

Lá rừng với gió ngân se sẽ

Họa tiếng lòng ta với tiếng chim."

Đoạn thơ trên có những động từ nào?

A - Chầm chậm, cheo leo, se sẽ B - Vào, ta, chim
C - **Vào, ngân, họa** D - Vào, lặng im, ngân, họa

Câu hỏi 9: Trong các từ sau, từ nào phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu thơ:

"Mai các cháu học hành tiến bộ

Đời đẹp tươi ... tung bay"

A - cờ đỏ B - **khăn đỏ** C - áo đỏ D - mũ đỏ

Câu hỏi 10: Trong các từ sau, từ nào phù hợp điền vào chỗ trống câu thơ:

"Sáng chớmtrong lòng Hà Nội

Những phố dài xao xác hơi may

Người ra đi đầu không ngoảnh lại

Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy."

A – thu B - **lạnh** C – đông D - buồn

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

Bài 1: Phép thuật mèo con

Tế nhị = Lịch sự	Khăng khít = Gắn bó
Xã tắc = Nhà nước	Lúc còn sống = Sinh thời
Thập phương = Mười phương	Tân thời = Kiểu mới
Bằng hữu = Bạn bè	Hợp tác = Cộng tác
Kèm cặp = Dìu dắt	Tiến bộ = Phát triển

Bài 2: Chọn đáp án đúng

Câu hỏi 1: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Dĩ hòa vi"

A – quý B – lộc C – hữu D – cộng

Câu hỏi 2: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Nắng đã chiếu sáng.....cửa biển." (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.103)

A – lóa B – rực C – lòa D - choang

Câu hỏi 3: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

"Giấyphải giữ lấy lễ."

A – trắng B – đẹp C – tốt D – rách

Câu hỏi 4: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Hàng khuy..... như hàng quân trong đội duyệt binh." (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.63)

A – thẳng tắp B – ngày tháng C – thẳng tuột D – thẳng thắn

Câu hỏi 5: Chọn cặp từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: ".....trông na,trông chuối".

A – bé – bà B – trẻ - già C – lớn – bé D – già – trẻ

Câu hỏi 6: Chọn cặp từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: ".....chất chịu hơnphung phí".

A – nhiều – ít B – hiếm – nhiều C – ít – nhiều D – chút – nhiều

Câu hỏi 7: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Công thành..... toại."

A – lợi B – đức C – danh D – lộc

Câu hỏi 8: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: "Đến khi các loài hoa rụng rờ như hoa gạo, vông, phượng, bằng lăng, muồng đã.....qua bầu trời Hà Nội, cây sấu trước cửa nhà tôi mới lấp ló những chùm quả xanh giòn." (SGK Tiếng Việt 5, tập 2, tr.98)

A – tràn ngập B – vắt ngang C – nhuộm kín D – kéo quân

Câu hỏi 9: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: “Dục tốc bất”

A – được B – động C – thành **D – đạt**

Câu hỏi 10: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: “Áokhéo và hơn lành vụng may.”

A – toi **B – rách** C – rét D – đẹp

Bài 3: Chọn đáp án đúng

Câu hỏi 1: Trong các từ sau, từ nào mang nghĩa chuyển?

A – cánh tay **B – tay nghề** C – khuỷu tay D – đau tay

Câu hỏi 2: Câu: “Vì trời nắng to, lại không mưa đã lâu nên có cây héo rũ.” có sử dụng quan hệ từ nào?

A – vì, lại B – lại, lâu C – lâu, nên **D – vì, nên**

Câu hỏi 3: Trong các từ sau, từ nào trái nghĩa với từ “dữ dội”?

A – mạnh mẽ B – mãnh liệt C – ác liện **D – dịu êm**

Câu hỏi 4: Trong các bài đọc sau, bài đọc nào không thuộc chủ đề “Nam và nữ”?

A – con gái **B – nghĩa thầy trò**
C – một vụ đắm tàu D – lớp trưởng lớp tôi

Câu hỏi 5: Cụm từ “phía trên bờ đê” trong câu “Phía trên bờ đê, bọn trẻ chăn trâu thả diều, thổi sáo.” là trạng ngữ chỉ gì?

A – thời gian B – phương tiện C – nguyên nhân **D – nơi chốn**

Câu hỏi 6: Câu: “Mặt trời càng lên cao, ánh nắng càng chói chang” có sử dụng cặp từ hô ứng nào?

A – lên, chói B – càng, chói **C – càng, càng** D – cao, chói chang

Câu hỏi 7: Sự vật nào được nhân hóa trong câu: Hoa phượng màu hồng pha da cam chứ không đỏ gắt như vông như gạo. Đến cái anh bằng lăng thì đã vừa hồng vừa tím. Sáng đến anh hoa muồng thì đã ngả hẳn sang màu vàng chanh.”?

A - Phượng B – vông, gạo **C – bằng lăng, muồng** D – phượng, muồng

Câu hỏi 8: Trong các từ sau, từ nào mang nghĩa gốc?

A – mũi đất B – mũi dao C – mũi kéo **D – mũi tẹt**

Câu hỏi 9: hai câu: “Lũ trẻ ngồi im nghe các cụ già kể chuyện. Hôm sau, chúng rủ nhau ra cồn cát cao tìm những bông hoa tím.” liên kết với nhau bằng cách nào?

A – thay thế từ ngữ B – bằng dấu phẩy
C – từ ngữ mới D – lặp từ ngữ

Câu hỏi 10: Hình ảnh “hồ nước” trong câu “Chúng không còn là hồ nước nữa, chúng là những cái giếng không đáy, ở đó ta có thể nhìn thấy bầu trời bên kia trái đất.” được so sánh với hình ảnh nào?

A – trái đất

B – bầu trời

C – giếng không đáy

D – bên kia trái đất

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

Bài 1: Phép thuật mèo con

Độc hành = Một mình	Thật thà = Chết phác
Sầm uất = Nhộn nhịp	Than thở = Phàn nàn
Thi gia = Nhà thơ	Tân thời = Kiểu mới
Trao đổi = Thảo luận	Minh nguyệt = Trăng sáng
Trơn tru = Lưu loát	Tha bổng = Ân xá

Bài 2: Chọn đáp án thích hợp

Câu hỏi 1: Câu ca dao sau có cặp quan hệ từ nào?

“Bởi chưng bác mẹ tôi nghèo

Cho nên tôi phải bầm bèo thái khoai.”

A – bác mẹ - tôi

B – tôi nghèo – thái khoai

C – bởi – nên

D – bởi chưng – cho nên

Câu hỏi 2: Từ loại nào được dùng để miêu tả đặc điểm, tính chất của sự vật?

A – tính từ

B – động từ

C – danh từ

D – đại từ

Câu hỏi 3: Bộ phận nào là trạng ngữ trong câu:

“Tre, đời đời, kiếp kiếp, ăn ở với người.”?

A – tre

B – đời đời, kiếp kiếp

C – ăn ở với người

D – cả ba đáp án

Câu hỏi 4: Bộ phận “Trên cánh đồng” trong câu: “Trên cánh đồng, đàn trâu nhón nhờ gặm cỏ.” đóng vai trò gì?

A – chủ ngữ

B – vị ngữ

C – trạng ngữ

D – cả ba đáp án

Câu hỏi 5: Từ nào khác với các từ còn lại?

A – tin cậy

B – tin tưởng

C – tin cẩn

D – tin tức

Câu hỏi 6: Thành ngữ, tục ngữ nào cùng nghĩa với câu tục ngữ “Giấy rách phải giữ lấy lề.”?

A – ác giả ác báo

B – nhà dột từ nóc

C – đối cho sạch, rách cho thơm

D – dĩ hòa vi quý

Câu hỏi 7: Từ nào khác với các từ còn lại?

A – gian dối

B – gian lận

C – gian nan

D – gian trá

Câu hỏi 8: Sự vật nào được nhân hóa trong câu: “Hoa phượng màu hồng pha da cam chứ không đỏ gắt như vòng như gạo. Đến cái anh bằng lăng thì đã vừa hồng vừa tím.”?

A – hoa phượng B – gạo C – vông **D – bằng lăng.**

Câu hỏi 9: Từ nào mang nghĩa chuyển?

A – cánh tay B – tay chân **C – tay nghề** D – ngón tay

Câu hỏi 10: Từ nào không phải là từ láy?

A – nâng niu B – gọn gàng C – loáng thoáng **D – tơ tằm**

Bài 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Câu hỏi 1: Điền vào chỗ trống: “Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ” là một trong những tác dụng của dấu...**phẩy**.....

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống:

Các thành ngữ: “Non xanh nước biếc; Sơn thủy hữu tình” nói về vẻ đẹp của**thiên**.....nhiên.”

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống: “Mũi tẹt, mũi to” là những từ mang nghĩa.....**gốc**....

Câu hỏi 4: Điền vào chỗ trống: “khóc – cười, lên – xuống, trong – đục” là những cặp từ**trái**.....nghĩa

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống:

Năm.....**gian**...nhà cỏ thấp le te

Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe (Nguyễn Khuyến)

Câu hỏi 6: Điền vào chỗ trống: “Phong ...**cách**.....là kiểu (lối) sống tạo ra nét riêng của một người hoặc một nhóm người.”

Câu hỏi 7: Điền vào chỗ trống:

Nước**trong**... leo lẻo các đóp cá

Trời nắng chang chang người trói người. (Cao Bá Quát)

Câu hỏi 8: Điền vào chỗ trống:

Trong như tiếng hạc bay qua

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời

Tiếng.....**khoan**....như gió thoảng ngoài

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa (Nguyễn Du)

Câu hỏi 9:

“Không dấu chờ cá đóp môi

Có huyền nhện nhịp xa người qua lại.”

Chữ không có dấu huyền là chữ gì?

Trả lời: Chữ.....**câu**.....

Câu hỏi 10: Điền vào chỗ trống: “Hẹp nhà.....**rộng**.....bụng.”

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 4

Bài 1 – Phép thuật mèo con

Nhẹ nhàng = Thanh thoát; Vất vả = Nặng nhọc; Trường tồn = Vĩnh cửu
Chịu khó = Đảm đang; Dữ dội = Ác liệt; Dẫn đầu = Tiên phong;
Mập mạp = Đầy đà; Cương quyết = Kiên định; Bất khuất = Quật cường
Hải khẩu = Cửa biển

Bài 2:

Câu hỏi 1: Từ nào có nghĩa là cách giải quyết đặc biệt hiệu nghiệm mà ít người biết?

- a/ bí ẩn b/ bí bách c/ bí hiểm d/ bí quyết

Chọn d

Câu hỏi 2: Bộ phận nào là trạng ngữ trong câu: “Đêm, tôi không thể chợp mắt dù chỉ một phút.”?

- a/ Đêm b/ một phút c/ không thể d/ chợp mắt

Chọn a

Câu hỏi 3: Sự vật nào được nhân hóa trong câu:

“Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi
Sương hồng lam ôm ấp mái nhà gianh.”

(Đoàn Văn Cừ)

- a/ dải mây trắng b/ đỉnh núi c/ sương hồng lam d/ sương

Chọn c

Câu hỏi 4: Từ “bởi vì” trong câu sau biểu thị quan hệ gì?

“Non xanh bao tuổi mà già
Bởi vì sương tuyết hóa ra bạc đầu.”

(Ca dao)

- a/ điều kiện-kết quả b/ nguyên nhân-kết quả
c/ tương phản d/ tăng tiến

Chọn b

Câu hỏi 5: Bộ phận nào là chủ ngữ trong câu: “Tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại.”
(Tục ngữ)

- a/ tốt đẹp phô ra b/ tốt đẹp c/ xấu xa d/ tốt đẹp, xấu xa

Chọn d

Câu hỏi 6: Thành ngữ, tục ngữ nào cùng nghĩa với câu: “Gừng cay muối mặn.”?

- a/ sinh cơ lập nghiệp c/ tình sâu nghĩa nặng
b/ chung lưng đấu cật d/ tre già măng mọc

Chọn c

Câu hỏi 7: Chọn cặp từ phù hợp điền vào chỗ trống: “Tiếng Việt của chúng tagiàu.....đẹp.”

a/ vừa-đã b/ vừa-vừa c/ do-nên d/ mặc dù-nhưng

Chọn b

Câu hỏi 8: Từ nào khác với các từ còn lại:

a/ tác nghiệp b/ tác hợp c/ tác giả d/ tác chiến

Chọn c

Câu hỏi 9: Từ “ăn” trong câu nào dùng với nghĩa gốc?

a/ Làm công ăn lương. b/ Xe ăn xăng.
c/ Quả cam ăn rất ngọt. d/ Cô ấy rất ăn ảnh.

Chọn c

Câu hỏi 10: Từ “kết luận” trong câu: “Những kết luận của ông ấy rất đáng tin cậy.” thuộc từ loại nào?

a/ đại từ b/ danh từ c/ tính từ d/ động từ

Chọn b

Bài 3: Điền từ

Câu hỏi 1: Điền vào chỗ trống:

“Cảm ơn các bạn dẫu câu
Không là chữ cái nhưng đâu bé người
Dẫu ... **chấm**trọn vẹn câu mà
Không biết dùng sẽ dây cà, dây khoai.”
(Những dẫu câu ơi – Lê Thống Nhất)

Câu hỏi 2: Điền vào chỗ trống: “Một kho vàng chẳng bằng một ... **nang**.....chữ.”
(Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam – Giáo sư Nguyễn Lân)

Câu hỏi 3: Điền vào chỗ trống:

“Ai ơi ăn ở cho lành
Tu nhân tích **đức**để dành về sau.”
(Ca dao)

Câu hỏi 4: Điền từ trái nghĩa với “non” vào chỗ trống:

“Nắng non mầm mọt mát thôi
Vì đời lúa đỏ mà phơi cho giòn
Nắng **già**hạt gạo thêm ngon
Bụng lưng com trắng, nắng còn thơm tho.”
(Tiếng hát mùa gặt – Nguyễn Duy)

Câu hỏi 5: Điền vào chỗ trống: “Mềm nắn **rắn**buông.”

Câu hỏi 6: Điền vào chỗ trống: “Không chịu khuất phục trước kẻ thù được gọi **bất**khuất.” (tr.129 – SGK Tiếng Việt 5 – tập 2)

Câu hỏi 7: Điền vào chỗ trống: Câu tục ngữ: “Người ta là hoa đất” ca ngợi và khẳng định giá trị của con **người**trong vũ trụ.”

Câu hỏi 8: Giải câu đố:

Thân em do đất mà thành
Không huyền một cặp rành rành thiếu chi
Khi mà bỏ cái nón đi
Sắc vào thì bụng có gì nữa đâu.
Từ không có dấu huyền là từ gì?

Trả lời: từ**đôi**

Câu hỏi 9: Điền từ phù hợp vào chỗ trống: “Ăn ở như bát **nước**đầy.”
nghĩa là đối xử với nhau trọn tình nghĩa.

Câu hỏi 10: Giải câu đố:

“Thân tôi dùng bắc ngang sông
Không huyền công việc ngư ông sớm chiều
Nặng vào em mẹ thân yêu
Thêm hỏi với “thả” phần nhiều đi đôi.

Từ có dấu hỏi là từ gì?

Trả lời: từ**cầu**

ĐỀ SỐ 5
VÒNG 17

Bài 1- Trâu vàng uyên bác

1. Nói có sách, mách cóchứng....
2. Vắt cổ chày ranước.....
3. Cày..... thuê.....cuộc mướn
4. Cầm kì ...thi.....họa
5. Phù ...hộ.....độ trì
6. Bài ...binh.....bổ trận
7. Bất khả ...xâm.....phạm
8. Cành vàng, lángọc.....
9. Khai thiên..... lập địa
10. Mặt lòng trước, được lòngsau

Bài thi số 2 – Ngựa con dũng cảm

Giúp ngựa nối từng ô bên trái với bên phải để được câu đúng

Ánh nắng hồng tươi	thung thẳng gặm cỏ.
Bầu trời	hiền lành phúc hậu.
Những ngọn sóng	như những chiếc chèo bông khổng lồ.
Cánh đồng lúa	giương buồm ra khơi.
Họa mi cất tiếng hót	đuổi nhau xô vào bờ.
Trời rải mây trắng nhạt	lạnh lạnh khắp khu vườn.
Những con thuyền	xua tan làn sương mờ ảo.
Khuôn mặt của bà	cao trong xanh không một gợn mây
Những đám mây	biển mơ màng dịu hơi sương.
Những chú trâu	như một tấm thảm khổng lồ.

Bài 3: Chọn những đáp án đúng:

Câu hỏi 1: Khổ thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

"Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm ngát

Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa."

(Nguyễn Đình Thi)

a/ đảo ngữ

b/ điệp ngữ

c/ nhân hóa

d/ so sánh

Câu hỏi 2: Giải câu đố:

Nhờ tôi cuộc sống tươi xanh
Mưa hòa gió thuận trong lành không gian
Khi rơi mát nón trên ngàn
Chuối, cam chẳng thấy, thấy toàn ớt thôi.

Đố là chữ gì?

a/ con

b/ cao

c/ cay

d/ cây

Câu hỏi 3: Câu văn nào dưới đây là câu ghép?

a/ Nếu mưa lũ, nước sông lại dâng ngập cánh đồng.

b/ Nếu mưa lũ kéo dài thì cả khu phố sẽ bị ngập lụt.

c/ Do mưa bão nên cả khu phố bị mất điện.

d/ Nước lũ dâng lên cao, ngập cả khu phố.

Câu hỏi 4: Từ "chú" trong câu nào dưới đây là đại từ?

a/ Chú tôi có khuôn mặt chữ điền với làn da ngăm khỏe mạnh.

b/ Chú trầm ngâm rồi lặng lẽ bước đi.

c/ Bố cháu rất thích chơi cờ với chú.

d/ Cả bố và chú tôi đều thích chơi cờ.

Câu hỏi 5: Trong các câu dưới đây, câu nào sử dụng sai cặp quan hệ từ?

a/ Hễ mặt biển chuyển từ màu xanh biếc sang màu ảm sẫm mù sương thì những đàn chim hải âu sẽ di cư đến đảo Ngạn.

b/ Mặc dù tôi có màu vẽ nhưng tôi sẽ vẽ cánh đồng lúa chín vàng xuộm, vẽ cả bầu trời trong xanh cùng những đám mây trắng xốp.

c/ Nếu thời tiết thuận lợi hơn thì vụ mùa năm nay nhất định sẽ bội thu.

d/ Vì những cơn gió đông bất ngờ ủa về nên những hạt giống không thể nảy mầm.

Câu hỏi 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu văn sau: [...]trời rét nên hoa hồng chậm nở.

a/ Tuy

b/ Hễ

c/ Vì

d/ Nếu

Câu hỏi 7: Dòng nào dưới đây có chứa những từ đồng âm ?

a/ chín chắn, chín cơm, quả chín

b/ chân mây, chân trời, chân tóc

c/ miệng túi, miệng hố, miệng cốc

d/ đồng chí, cánh đồng, đồng tiền

Câu hỏi 8: Điền quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống sau: "Rừng.....gần.....đường lại quá xa.....mọi người ước làm sao có một con đường từ xóm thẳng lên núi để đi được nhanh chóng."

a/ nhờ.....mà.....nên

b/ do.....nên....nhưng.....

c/ vì.....nên.....nhưng.....

d/ tuy.....nhưng.....nên.....

Câu hỏi 9: Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

a/ xác suất

b/ trạm trở

c/ sơ suất

d/ xô số

Câu hỏi 10: Câu thơ nào dưới đây không xuất hiện trong bài thơ "Cao Bằng"?

a/ Ông lành như hạt gạo

b/ Đầu tiên là mặn ngọt

Bà hiền như suối trong

Đón mời ta dịu dàng

c/ Đồng vàng hoe lúa trổ

d/ Đã dâng đến tận cùng

Khói nở xoà như bông

Hết tầm cao Tổ quốc

ĐỀ SỐ 6

Bài 1: Ngựa con dững cảm

Lan vừa học giỏi	ngồi trông hướng.
Ăn trông nòi	như tiếng sáo.
Cánh điều mềm mại	nhưng em vẫn đi học.
Tiếng gió vi vu	như cánh bướm.
Bán anh em xa	học một sàng khôn.
Nhai kĩ no lâu	vừa hát hay.
Nếu trời mưa	thì em sẽ nghỉ học.
Đi một ngày đàng	mua lán giềng gần
Tuy trời mưa	mạ đất quen.
Khoai đất lạ	cày sâu tốt lúa.

Bài 2: Hổ con thiên tài:

Câu 1: chắt/nhiều/phung/chịu/ít/hơn/còn/phí/.

Ít chắt chịu còn hơn nhiều phung phí.

Câu 2: đi/một/li/Sai/một/dặm.

Sai một li đi một dặm

Câu 3: còn/trông/Tôi/bề/đi/nhiều/nay/cây

Tôi nay đi cây còn trông nhiều bề.

Câu 4: Đồi/minh/./ánh/dưới/bình/son/nằm/thoa

Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh.

Câu 5: học/nhà/Vì/chú/ngheo/bỏ/phải/nên/.

Vì nhà nghèo nên chú phải bỏ học.

Câu 6: ./hôi/mưa/cày/thót/Mồ/thánh/như/ruộng

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.

Câu 7: cơm/đầy/Ai/bát/bưng/oi

Ai ơi bưng bát cơm đầy.

Câu 8: Dẻo/một/muôn/hạt/thơm/phần/cay/./đắng

Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Câu 9: đỉnh/Sơn/Mây/sớm/chiều/mù/./che/Trường

Mây mù che đỉnh Trường Sơn sớm chiều.

Câu 10: mới/đến/chân/./Nước/nhảy

Nước đến chân mới nhảy.

Bài 3: Trắc nghiệm

Câu 1: Câu thơ: “Quả dưa – đàn lợn con nằm trên cao” sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

a/ so sánh

b/ nhân hóa

c/ đảo ngữ

d/ câu hỏi tu từ

Câu 2: Trong các câu dưới đây, câu nào là câu hỏi và cần đặt dấu chấm hỏi ở cuối câu?

- a/ Tôi tin bạn ấy biết phải làm gì
b/ Tôi không hiểu tại sao bạn ấy lại lười như vậy
c/ Tôi nghĩ bạn sẽ biết đáp án câu hỏi này là gì
d/ Câu đã đọc xong quyển sách này chưa

Câu 3: Điền dấu câu thích hợp vào câu sau: “Ôi chao () chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao ()”

- a/ dấu phẩy b/ dấu chấm **c/ dấu chấm than** d/ dấu ba chấm

Câu 4: Từ “cao thượng” được hiểu là gì?

- a/ đứng ở vị trí cao nhất
b/ cao vượt lên trên cái tầm thường, nhỏ nhen
c/ có quyết định nhanh chóng và dứt khoát
d/ chăm chỉ, nhanh nhen, cẩn thận

Câu 5: Câu nào dưới đây sử dụng sai dấu câu?

- a/ Nam ơi! Cậu có đi học không?
b/ Đất nước mình đẹp lắm!
c/ Vừa thông minh lại vừa đáng yêu thế?
d/ Trên cánh đồng, đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ.

Câu 6: Từ “là” trong câu nào dưới đây không phải là từ so sánh?

- a/ Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi.
b/ Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh.
c/ Mẹ là đất nước, tháng ngày của con.
d/ **Đối với Chuồn Chuồn, họ Dê chúng tôi là láng giềng lâu năm.**

Câu 7: Dấu phẩy trong câu: “Tùng, cúc, trúc, mai biểu tượng cho những đức tính của người quân tử.” có tác dụng gì?

- a/ Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.
b/ Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ
c/ Ngăn cách các vế câu trong câu ghép
d/ Kết thúc câu cảm thán, câu khiến.

Câu 8: Từ nào có nghĩa là cách giải quyết đặc biệt hiệu nghiệm và ít người biết?

- a/ bí ân b/ bí bách c/ bí hiểm d/ bí quyết

Câu 9: Bài thơ “Bầm ơi” do nhà thơ nào sáng tác?

- a/ Tổ Hữu
c/ Trương Nam Hương

Câu 10: Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống:

“Con đi đánh giặc mười năm

Chưa bằng đời bầm sáu mươi.”? (Bầm ơi, Tổ Hữu)

- a/ khó nhọc** b/ vất vả c/ gian khổ d/ khó khăn

ĐỀ SỐ 7

Bài 1: Trâu vàng uyên bác

Câu 1: Chọn mặt gửivàng.....

Câu 2: Gậy ...ông..... đập lưng ông.

Câu 3: Kính lão đặcthọ.....

Câu 4: Chín tháng mười ngày.....

Câu 5: Mất lòng trước, được lòngsau.....

Câu 6: Chimsa..... cá lặn

Câu 7: Coi trời bằngvung.....

Câu 8: Con sâu bỏ rầu nòicanh.....

Câu 9: Gần nhà xangõ.....

Câu 10: Ngồi mát ăn bátvàng.....

Bài 2: Ngựa con dưng cảm

Hàng ngàn bông hoa gạo	như một cái mâm ngọc khổng lồ.
Cây gạo sừng sững	như một tháp đèn khổng lồ.
Những đám mây trắng	hôm sau người cười.
Cười người hôm trước	nhỏ li ti ẩn sau tán lá.
Mặt trăng tròn vành vạnh	nước lẫn màu trời thêm xuân.
Hoa bàng	tím biếc một góc phố.
Sông xuân	là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi.
Đồng cỏ	như những chiếc chăn bông khổng lồ.
Hoàng bằng lẫm nhở	như một tấm thảm xanh ngất.
Núi như chiếc nón	nhấp nhô giữa trời.

Bài 3 – Trắc nghiệm

Câu 1: Từ “chú” trong câu nào dưới đây là đại từ?

a/ Chú tôi có khuôn mặt chữ điền với làn da ngăm khỏe mạnh.

b/ Chú trầm ngâm rồi lặng lẽ bước đi.

c/ Bố cháu rất thích chơi cờ với chú.

d/ Cả bố và chú tôi đều thích chơi cờ.

Câu 2: Vị quan xử kiện trong bài học “Phân xử tài tình” có những phẩm chất gì?

a/ Hào hoa, phong nhã

b/ Tài giỏi, công minh

c/ Nhân hậu, độ lượng d/ Hà hiệp, nhân từ

Câu 3: Có bao nhiêu lỗi sai chính tả trong đoạn văn sau?

Những bác **đô** già râu cụ lực lưỡng, đầu đuôi đen sì lẫn với màu bùn. Những cậu râu đực cường **cháng**, mình dài mốc **théc**.

a/ 2 b/ 3 c/ 4 d/ 5

Câu 4: Thành ngữ nào dưới đây không chỉ nơi con người sinh ra?

a/ Quê hương bản quán b/ Quê cha đất tổ
c/ **Đất khách quê người** d/ Nơi chôn rau cắt rốn

Câu 5: Câu ghép nào dưới đây biểu thị quan hệ tương phản?

a/ Nếu hôm nay trời nắng đẹp thì chúng em được đi tắm biển.
b/ **Tuy Hương không khỏe nhưng bạn ấy vẫn cố gắng đi học đều.**
c/ Lan không những học giỏi mà còn múa rất đẹp.
d/ Vì cuối tháng này tôi thi học kỳ nên tôi phải học hành thật chăm chỉ.

Câu 6: Khổ thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

“Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm ngát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.”

(Nguyễn Đình Thi)

a/ đảo ngữ b/ **điệp ngữ** c/ nhân hóa d/ so sánh

Câu 7: Giải câu đố:

Nhờ tôi cuộc sống tươi xanh
Mưa hòa gió thuận trong lành không gian
Khi rơi mất nón trên ngàn
Chuối, cam chẳng thấy, thấy toàn ớt thôi.
Đó là chữ gì?

a/ con b/ cao c/ cay d/ **cây**

Câu 8: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

a/ suất bản b/ sứ sở c/ xóng xánh d/ sản xuất

Câu 9: Dòng nào dưới đây có chứa những từ đồng âm?

a/ chín chắn, chín cơm, quả chín b/ chân mày, chân trời, chân tóc
c/ miệng túi, miệng hố, miệng cốc d/ **đồng chí, cánh đồng, đồng tiền**

Câu 10: Câu văn “Cánh đồng lúa chín **hay** một tấm thảm màu vàng khổng lồ” có một quan hệ từ chưa đúng. Cần phải thay thế bằng quan hệ từ nào dưới đây?

a/ nên b/ tuy c/ và d/ **như**

ĐỀ SỐ 8

Bài 1: Trâu vàng uyên bác

Câu 1: Áogắm..... về làng.

Câu 2: Ăn mít bỏxơ.....

Câu 3: Hồngnhan..... bạc mệnh

Câu 4: Sự thật mắtlòng.....

Câu 5: Tài tử giainhân.....

Câu 6: Tay làm, hàmnhai.....

Câu 7: Thân lừaưa..... nặng

Câu 8: Thiênbiển..... vạn hóa

Câu 9: Thiênbinh..... vạn mã

Câu 10: Đa sầuđa..... cảm

Bài 2: Ngựa con dũng cảm

Những đám mây	đuổi nhau xô vào bờ.
Cánh đồng lúa	giương buồm ra khơi.
Những ngọn sóng	như một tấm thảm khổng lồ.
Ánh nắng hồng tươi	lạnh lạnh khắp khu vườn.
Khuôn mặt của bà	xua tan làn sương mờ ảo.
Trời rải mây trắng nhạt,	biển mơ màng dịu hơi sương.
Họa mi cất tiếng hót	cao trong xanh không một gợn mây.
Những con thuyền	hiền lành phúc hậu.
Những chú trâu	như những chiếc chèo bông khổng lồ.
Bầu trời	thung thẳm găm cỏ.

Bài 3 – Trắc nghiệm

Câu 1: Từ “chú” trong câu nào dưới đây là đại từ?

a/ Chú tôi có khuôn mặt chữ điền với làn da ngăm khỏe mạnh.

b/ Chú trầm ngâm rồi lặng lẽ bước đi.

c/ Bố cháu rất thích chơi cờ với chú.

d/ Cả bố và chú tôi đều thích chơi cờ.

Câu 2: Vị quan xử kiện trong bài học “Phân xử tài tình” có những phẩm chất gì?

a/ Hào hoa, phong nhã

b/ Tài giỏi, công minh

c/ Nhân hậu, độ lượng

d/ Hà hiệp, nhân từ

Câu 3: Có bao nhiêu lỗi sai chính tả trong đoạn văn sau?

Những bác **đô** già râu cựa lực lưỡng, đầu đuôi đen sì lẫn với màu bùn. Những cậu râu đục cường **cháng**, mình dài mốc **théc**.

- a/ 2 b/ 3 c/ 4 d/ 5

Câu 4: Thành ngữ nào dưới đây không chỉ nơi con người sinh ra?

- a/ Quê hương bản quán b/ Quê cha đất tổ
c/ **Đất khách quê người** d/ Nơi chôn rau cắt rốn

Câu 5: Câu ghép nào dưới đây biểu thị quan hệ tương phản?

- a/ Nếu hôm nay trời nắng đẹp thì chúng em được đi tắm biển.
b/ **Tuy Hương không khỏe nhưng bạn ấy vẫn cố gắng đi học đều.**
c/ Lan không những học giỏi mà còn múa rất đẹp.
d/ Vì cuối tháng này tôi thi học kỳ nên tôi phải học hành thật chăm chỉ.

Câu 6: Khổ thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

“Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm ngát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.”

(Nguyễn Đình Thi)

- a/ đảo ngữ b/ **điệp ngữ** c/ nhân hóa d/ so sánh

Câu 7: Giải câu đố:

Nhờ tôi cuộc sống tươi xanh
Mưa hòa gió thuận trong lành không gian
Khi rơi mất nón trên ngàn
Chuối, cam chẳng thấy, thấy toàn ớt thôi.
Đó là chữ gì?

- a/ con b/ cao c/ cay **d/ cây**

Câu 8: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

- a/ suất bản b/ sứ sở c/ xóng xánh d/ sản xuất

Câu 9: Dòng nào dưới đây có chứa những từ đồng âm?

- a/ chín chắn, chín cơm, quả chín b/ chân mày, chân trời, chân tóc
c/ miệng túi, miệng hố, miệng cốc **d/ đồng chí, cánh đồng, đồng tiền**

Câu 10: Câu văn “Cánh đồng lúa chín **hay** một tấm thảm màu vàng khổng lồ” có một quan hệ từ chưa đúng. Cần phải thay thế bằng quan hệ từ nào dưới đây?

- a/ nên b/ tuy c/ và **d/ như**

ĐỀ SỐ 9

Bài 1: Trâu vàng uyên bác

Câu 1: Áogắm..... về làng.

Câu 2: Đói cho sạch rách chothơm.....

Câu 3: Ăn mít bỏxơ.....

Câu 4: Đa sầuđa..... cảm

Câu 5: Sự thật mấtlòng....

Câu 6: Tài tử giainhân.....

Câu 7: Tày làm, hàmnhai.....

Câu 8: Thân lừaura..... nặng

Câu 9: Thiênbiến..... vạn hóa

Câu 10: Thiênbinh..... vạn mã

Bài 2: Ngựa con dũng cảm

Những đám mây	đuổi nhau xô vào bờ.
Cánh đồng lúa	giương buồm ra khơi.
Những ngọn sóng	như một tấm thảm khổng lồ.
Ánh nắng hồng tươi	lạnh lạnh khắp khu vườn.
Khuôn mặt của bà	xua tan làn sương mờ ảo.
Trời rải mây trắng nhạt,	biển mơ màng dịu hơi sương.
Họa mi cất tiếng hót	cao trong xanh không một gợn mây.
Những con thuyền	hiền lành phúc hậu.
Những chú trâu	như những chiếc chăn bông khổng lồ.
Bầu trời	thung thẳm găm cỏ.

Bài 3: Trắc nghiệm 1

Câu 1: Có bao nhiêu lỗi sai chính tả trong đoạn văn sau?

Những bác **đô** già rô cụ lực lưỡng, đầu đuôi đen **sì** lẫn với màu bùn. Những cậu rô đực cường **cháng**, mình dài mồm thếch.

a/ 2

b/ 3

c/ 4

d/ 5

Câu 2: Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

a/ suất bản

b/ sứ sở

c/ xóng xánh

d/ sản xuất

Câu 3: Thành ngữ nào dưới đây không chỉ nơi con người sinh ra?

a/ Quê hương bản quán

b/ Quê cha đất tổ

c/ Đắt khách quê người

d/ Nơi chôn rau cắt rốn

Câu 4: Câu văn “Cánh đồng lúa chín hay một tấm thảm màu vàng khổng lồ” có một quan hệ từ chưa đúng. Cần phải thay thế bằng quan hệ từ nào dưới đây?

a/ nên

b/ tuy

c/ và

d/ như

Câu 5: Câu ghép nào dưới đây biểu thị quan hệ tương phản?

a/ Nếu hôm nay trời nắng đẹp thì chúng em được đi tắm biển.

b/ Tuy Hương không khỏe nhưng bạn ấy vẫn cố gắng đi học đều.

c/ Lan không những học giỏi mà còn múa rất đẹp.

d/ Vì cuối tháng này tôi thi học kỳ nên tôi phải học hành thật chăm chỉ.

Câu 6: Trong các câu sau, câu nào có sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất?

a/ Con mèo có bộ lông màu vàng óng mượt, nó vừa nhảy qua cửa sổ.

b/ Sao hôm nay trời âm u thế?

c/ Năm nay, tôi sẽ cố gắng đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp huyện.

d/ Ai đi qua cũng đều ngạc nhiên trước vẻ đẹp của Hồ Gươm.

Câu 7: Dòng nào dưới đây có chứa những từ đồng âm?

a/ chín chắn, chín cơm, quả chín

b/ chân mày, chân trời, chân tóc

c/ miệng túi, miệng hố, miệng cốc

d/ đồng chí, cánh đồng, đồng tiền

Câu 8: Vị quan xử kiện trong bài học “Phân xử tài tình” có những phẩm chất gì?

a/ Hào hoa, phong nhã

b/ Tài giỏi, công minh

c/ Nhân hậu, độ lượng

d/ Hà hiệp, nhân từ

Câu 9: Khổ thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

“Trời xanh đây là của chúng ta

Núi rừng đây là của chúng ta

Những cánh đồng thơm ngát

Những ngả đường bát ngát

Những dòng sông đỏ nặng phù sa.”

(Nguyễn Đình Thi)

a/ đảo ngữ

b/ điệp ngữ

c/ nhân hóa

d/ so sánh

Câu 10: Giải câu đố:

Nhờ tôi cuộc sống tươi xanh

Mưa hòa gió thuận trong lành không gian

Khi rơi mắt nón trên ngàn

Chuối, cam chẳng thấy, thấy toàn ớt thôi.

Đó là chữ gì?

a/ con

b/ cao

c/ cay

d/ cây

Bài 4 – Trắc nghiệm 2

Câu 1: Các từ gạch chân sau có quan hệ với nhau như thế nào?

“ăn cơm, ăn cười, ăn ảnh”

- a/ trái nghĩa b/ đồng nghĩa c/ đồng âm **d/ nhiều nghĩa**

Câu 2: Câu “Cháu có thể lấy giúp cô quyển sách này được không?” được dùng với mục đích gì?

- a/ trần thuật b/ nghi vấn c/ cảm thán **d/ cầu khiến**

Câu 3: Câu nào sau đây được tách đúng bộ phận chủ ngữ và vị ngữ?

a/ Màu tối lan dần/ dưới từng gốc cây, ngả dài trên thảm cỏ, rồi đổ lổm đổm trên lá cành, trên những vòm xanh rậm rạp.

b/ Nắng bắt đầu rút lên những chòm cây cao, rồi nhạt dần và như/ hòa lẫn với ánh sáng trắng nhợt cuối cùng.

c/ Bóng tối như bức màn mỏng, như/ thứ bụi xốp, mờ đen, phủ dần lên mọi vật.

d/ Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, những chùm hoa khép miệng/ bắt đầu kết trái.

Câu 4: Câu “Những ngôi sao lấp lánh như pha lê.” thuộc câu kiểu nào dưới đây?

- a/ Ai làm gì? b/ Ai là gì? **c/ Ai thế nào?** d/ Ở đâu

Câu 5: Đoạn văn sau có bao nhiêu câu ghép?

“Sau một hồi len lách mãi miết, rẽ bụi rậm, chúng tôi nhìn thấy một bãi cây khộp. Rừng khộp hiện ra trước mắt chúng tôi, lá úa vàng như cảnh mùa thu. Tôi dụi mắt. Những sắc vàng động đậy. Mấy con mang vàng hệt như màu lá khộp đang ăn cỏ non. Những chiếc chân vàng giẫm trên thảm lá vàng và sắc nắng cũng rực vàng trên lưng nó. Chỉ có mấy vạt cỏ xanh biếc là rực lên giữa cái gang sơn vàng rọi.”

(Theo Nguyễn Phan Hách)

- a/ 1 **b/ 2** c/ 3 d/ 4

Câu 6: Vì sao nhà thơ Trần Đăng Khoa trong bài “Hạt gạo làng ta” lại gọi hạt gạo là hạt vàng?

- a/ Vì hạt gạo nó màu vàng. b/ Vì phải có vàng mới đổi được gạo.
c/ Vì hạt gạo giống hạt vàng. **d/ Vì hạt gạo rất quý giá.**

Câu 7: Khổ thơ sau có bao nhiêu lỗi sai chính tả?

“Dù **đáp** mặt cùng biển rộng
Cửa sông chẳng dứt cội nguồn
Lá xanh mỗi lần **chôi** xuống

Bổng nhớ một vùng núi non.”

(Theo Quang Huy)

a/ 1

b/ 2

c/ 3

d/ 4

Câu 8: Dòng nào sau đây chỉ gồm các từ viết đúng chính tả?

a/ dãi dầu, dễ giải, rồi rãi

b/ xì xào, xích mích, lộn xộn

c/ **loăn xoăn, xác suất, xoay xở**

d/ xối xả, phổ xá, suồng xã

Câu 9: Thành ngữ, tục ngữ nào sau đây viết sai?

a/ Ăn chọn nơi, chơi chọn bạn

b/ Ăn ở như bát nước đầy

c/ Sâu ao, cao bờ

d/ **Khoai ruộng lạ, mạ ruộng sâu.**

Câu 10: Giải câu đố sau:

Mặt trời thức giấc phía tôi

Thêm huyền là chốn cho người làm ăn.

Từ thêm huyền là từ nào?

a/ nhà

b/ **đồng**

c/ trường

d/ đường

Bài 5: Trắc nghiệm 3

Câu 1: Thành ngữ nào sau đây viết sai?

a/ Trai thanh gái lịch

b/ **Trai tài gái giỏi**

c/ Tài cao đức trọng

d/ Tài hèn đức mọn

Câu 2: Có bao nhiêu cặp từ trái nghĩa trong câu thơ sau?

“Chị **buồn** nhớ những ngày qua

Em **vui** nghĩ những ngày **xa** đang **gần**.”

(Trần Đăng Khoa)

a/ 1

b/ 2

c/ 3

d/ 4

Câu 3: Khổ thơ sau đây sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

“Mưa đầu mùa báo hè về

Cây xoan biêng biếc, tiếng ve trỗi cảnh

Từ trong thăm thẳm lá xanh

Phượng hồng đã nhú môi xinh thẹn thùng.”

(Theo Nguyễn Lâm Thắng)

a/ so sánh

b/ **nhân hóa**

c/ đảo ngữ

d/ nhân hóa và so sánh

Câu 4: Các từ gạch chân sau có quan hệ với nhau như thế nào?

“đồng tiền, đồng đội, cánh đồng”

a/ đồng nghĩa

b/ trái nghĩa

c/ nhiều nghĩa

d/ **đồng âm**

Câu 5: Có bao nhiêu quan hệ từ trong câu văn sau?

“**Nhưng** những hàng cau làng Dạ **thì** bất chấp tất cả sức mạnh tàn bạo **của** mùa đông, chúng vẫn còn y nguyên những tàu lá vắt vẻo mềm mại **như** cái đuôi én.”

(Theo Ma Văn Kháng)

a/ 1

b/ 2

c/ 3

d/ 4

Câu 6: Câu sau đây có vị ngữ là gì?

“Nhưng con cuốc đen trùi trùi len lỏi giữ các bụi ven bờ.”

a/ con cuốc đen trùi true

b/ đen trùi true len lỏi giữa các bụi ven bờ

c/ len lỏi giữ các bụi ven bờ

d/ trùi trùi len lỏi giữ các bụi ven bờ

Câu 7: Điền các địa danh thích hợp vào chỗ trống:

“Sau khi vượt ...

Ta lại vượt ...

Lại vượt đèo

Thì ta tới”

“Trúc Thông”

a/ Đèo Giàng, Điện Biên, Cao Bắc, Đèo Gió

b/ Đèo Gió, Tây Nguyên, Sa Pa, Cao Bằng

c/ Đèo Gió, Đèo Giàng, Cao Bắc, Cao Bằng

d/ Đèo Giàng, Đà Lạt, Cao Bắc, Cao Bằng

Câu 8: Đoạn văn sau đây có bao nhiêu lỗi sai chính tả?

“Nhưng cô con gái có bề ngoài rắn **giỏi** là thế lại là người hay nghĩ ngợi, dễ cảm thương. Có bữa đi xem phim, những cảnh ngộ trong phim làm Chấm khóc gần **xuốt** buổi. Đêm ấy ngủ, trong giấc mơ, Chấm lại khóc, mắt bao nhiêu nước mắt.”

(Theo Đào Vũ)

a/ 1

b/ 2

c/ 3

d/ 4

Câu 9: Dòng nào sau đây gồm các từ viết đúng chính tả?

a/ trau dồi, dồi dào, dễ rành, dả dối

b/ xem xét, xét xử, xác suất, xa xỉ

c/ che dấu, rầu rĩ, réo rắt, rảnh dỗi

d/ ranh giới, giàn giụa, trung cất, xào xạc

Câu 10: Giải câu đố sau:

Đề nguyên có nghĩa là mình

Nặng vào mười yển góp thành chẳng sai.

Từ đề nguyên là từ gì?

a/ vai

b/ ta

c/ răng

d/ thân

ĐỀ SỐ 10

Bài 1: Trâu vàng uyên bác

Câu 1: Mâm caocỗ..... đây

Câu 2: Nhất tự vi siw, bán tự visur.....

Câu 3: Nói có sách, mách cóchứng.....

Câu 4: Điềuhay..... lẽ phải.

Câu 5: Nuôiong..... tay áo

Câu 6: Nước chảy, đámòn.....

Câu 7: Nước lũ vã nênhồ.....

Câu 8: Nước sôi lửabông.....

Câu 9: Ở chọn nơi,chơi..... chọn bạn

Câu 10: Phùhộ..... độ trì

Bài 2: Ngựa con dũng cảm

Đi một ngày đàng	ngồi trông hướng.
Tuy trời mưa	như tiếng sáo.
Nếu trời mưa	nhưng em vẫn đi học.
Nhai kĩ no lâu	như cánh bướm.
Khoai đất lạ	học một sàng khôn.
Bán anh em xa	vừa hát hay.
Ăn trông nồi	thì em sẽ nghỉ học.
Cánh diều mềm mại	mua lán giềng gần
Lan vừa học giỏi	mạ đất quen.
Tiếng gió vi vu	cày sâu tốt lúa.

Bài 3: Trắc nghiệm 1:

Câu 1: Câu thơ: “Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao” sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

a/ so sánh

b/ nhân hóa

c/ đảo ngữ

d/ câu hỏi tu từ

Câu 2: Trong các câu dưới đây, câu nào là câu hỏi và cần đặt dấu chấm hỏi ở cuối câu?

a/ Tôi tin bạn ấy biết phải làm gì

b/ Tôi không hiểu tại sao bạn ấy lại lười như vậy

c/ Tôi nghĩ bạn sẽ biết đáp án câu hỏi này là gì

d/ Cậu đã đọc xong quyển sách này chưa

Câu 3: Điền dấu câu thích hợp vào câu sau: “Ôi chao () chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao ()”

- a/ dấu phẩy b/ dấu chấm c/ **dấu chấm than** d/ dấu ba chấm

Câu 4: Từ “cao thượng” được hiểu là gì?

- a/ đứng ở vị trí cao nhất
b/ **cao vượt lên trên cái tầm thường, nhỏ nhen**
c/ có quyết định nhanh chóng và dứt khoát
d/ chăm chỉ, nhanh nhẹn, cẩn thận

Câu 5: Câu nào dưới đây sử dụng sai dấu câu?

- a/ Nam ơi! Cậu có đi học không?
b/ Đất nước mình đẹp lắm!
c/ **Vừa thông minh lại vừa đáng yêu thế?**
d/ Trên cánh đồng, đàn trâu đang thung thắng gặm cỏ.

Câu 6: Từ “là” trong câu nào dưới đây không phải là từ so sánh?

- a/ Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi.
b/ Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh.
c/ Mẹ là đất nước, tháng ngày của con.
d/ **Đối với Chuồn Chuồn, họ Dê chúng tôi là láng giềng lâu năm.**

Câu 7: Dấu phẩy trong câu: “Tùng, cúc, trúc, mai biểu tượng cho những đức tính của người quân tử.” có tác dụng gì?

- a/ **Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu.**
b/ Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ
c/ Ngăn cách các vế câu trong câu ghép
d/ Kết thúc câu cảm thán, cầu khiến.

Câu 8: Từ nào có nghĩa là phương pháp, cách thức đặc biệt được giữ kín, ít người biết?

- a/ bí ẩn b/ bí bách c/ bí hiểm d/ **bí quyết**

Câu 9: Bài thơ “Bầm ơi” do nhà thơ nào sáng tác?

- a/ **Tố Hữu** b/ Hoàng Trung Thông
c/ Trương Nam Hương d/ cả 3 đáp án sai.

Câu 10: Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống:

“Con đi đánh giặc mười năm

Chưa bằng đời bầm sáu mươi.”? (Bầm ơi, Tố Hữu)

- a/ **khó nhọc** b/ vất vả c/ gian khổ d/ khó khổ

Bài 4: Trắc nghiệm 2:

Câu 1: Giải câu đố sau:

Nhỏ hơn bốn lớn hơn hai

Đi liền hai tiếng có mai như rùa.

Từ đi liền hai tiếng là từ gì?

a/ chuồn chuồn **b/ ba ba** c/ châu chấu d/ cào cào

Câu 2: Điền cặp từ trái nghĩa vào chỗ trống để hoàn thành câu tục ngữ sau:

..... cây cha, cây con.

a/ bé – lớn **b/ trẻ - già** c/ tốt – xấu d/ nhanh –chậm

Câu 3: Trong câu văn nào dưới đây, từ “chân” được dùng với nghĩa gốc?

a/ Bàn có bốn chân. **b/ Bé đau chân.**
c/ Chân trời rất xa. d/ Ngôi nhà được xây dưới chân núi.

Câu 4: Nhóm từ nào sau đây là những quan hệ từ?

a/ đi, đứng, ở b/ thì, hoặc, sẽ **c/ mà, thì, bằng** d/ đã, đang, vẫn

Câu 5: Câu văn nào dưới đây có sử dụng phép nhân hóa?

a/ Những bông hoa tỏa hương thơm ngát.

b/ Tre bần thân nhớ gió.

c/ Ngôi nhà như trẻ nhỏ.

d/ Con đường rộng thênh thang.

Câu 6: Câu nào dưới đây là câu ghép?

a/ Lưng con cào cào và đôi cánh mỏng mảnh của nó tô màu tía, nom đẹp lạ.

b/ Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, nhưng chùm hoa khép miệng bắt đầu kết trái.

c/ Cái hương vị ngọt ngào nhất của tuổi học trò còn đọng lại mãi trong tâm hồn chúng em.

d/ Cây đước mọc dài tăm tắp, cây nào cây nấy thẳng như cây nến không lồ.

Câu 7: Từ nào sau đây có nghĩa là “để cố định đã lâu, không thay đổi”?

a/ lưu luyến b/ lưu ý **c/ lưu cữu** d/ lưu tâm

Câu 8: Những câu thơ nào sau đây không có trong bài thơ “Cao Bằng” của Trúc Thông?

a/ Ông lành như hạt gạo/ Bà hiền như suối trong.

b/ Lại lặng thầm trong suốt/ Như suối khuất rì rào.

c/ Khu vườn hoang lặng im/ Bỗng râm ran khắp lối.

d/ Vì ta mà giữ lấy/ Một dải dài biên cương.

Câu 9: Câu văn nào dưới đây không có lỗi sai chính tả?

a/ Rễ cao từ ba bốn thước tua tua giường ra trung quanh như những cánh tay từ trong thân cây thò ra bám đất.

b/ Nắng trời vừa bắt đầu gay gắt thì sắc hoa như muốn giảm đi độ chói chang của mình.

c/ Mây từ trên cao theo các sườn núi trườn xuống, chốc chốc lại reo một đợt mưa bụi trên những mái lá chít bạc trắng.

d/ Con suối lớn ồn ào, quanh co đã thu mình lại, phô những rải sỏi cuội nhẵn nhụi sạch sẽ.

Câu 10: Đoạn văn sau đây có bao nhiêu lỗi sai chính tả?

“Đêm chầm chậm buông. Mặt trăng tròn xoe như chiếc đĩa bạc từ từ nhô lên khỏi ngọn tre cong vút. Gió nồm **lam** mát rượi từ sông thổi vào tung bay cả tấm màn cửa sổ. Ánh trăng vàng **riệu** tỏa sáng khắp bầu trời, bao trùm lên vạn vật. Nhưng cây lá im lìm, mệt mỏi, héo **dũ** vì cái nắng oi nồng của ban ngày giờ tươi vui trở lại, lay động rì rào trong gió. E ấp nơi vườn nhà, khóm nhài khe khẽ bung nở những cánh hoa trắng ngần, thơm ngát. Dạ hương, thiên lí, móng rồng dịu dàng đưa hương. Trăng tưới đẫm tàu cau lấp lánh sương đêm, **đội** qua kẽ lá, soi tỏ con đường làng.”

(Theo Lam Hồng)

a/ 1

b/ 2

c/ 3

d/ 4

Bài 5: Trắc nghiệm 3

Câu 1: Giải câu đố:

Giữ nguyên đo đếm về hình

Mất đi quả trứng biến thành ba hoa.

Từ đề nguyên là từ gì?

a/ thước

b/ to

c/ **toán**

d/ hình

Câu 2: Thành ngữ, tục ngữ nào sau đây viết sai?

a/ Muôn người như một

b/ Chịu thương chịu nhọc

c/ Dám nghĩ dám làm

d/ Uống nước nhớ nguồn

Câu 3: Câu nào dưới đây là câu ghép?

a/ Trắng muốt, nhỏ nhoi, e ấp, hoa ngọc lan tự nép mình trong vòm lá xanh nhưng vẫn không giấu nổi mùi hương thơm ngát lan tỏa.

b/ Mặt trời đã xuống núi được một lát nhưng phong cảnh vẫn rõ nét trong ánh hoàng hôn êm dịu.

c/ Mới chớm hè nhưng mặt trời như đang muốn phả hơi nóng như thiêu như đốt của nó lên bầu không gian vẫn còn dư âm của mùa xuân tươi đẹp.

d/ Một đôi nơi, rừng được trang điểm bởi những bụi nhài dại, kết thành những tràng hoa gồm những dây mỏng mảnh nở hoa hồng hồng.

Câu 4: Cặp quan hệ từ nào có thể điền được vào chỗ trống trong câu sau:

“....chúng ta chăm chỉ học hành bố mẹ sẽ rất vui lòng.”

a/ Tuy Nhưng

b/ Nếu ... thì

c/ Chẳng những ... mà

d/ Mặc dù nhưng

Câu 5: Tiếng “sườn” trong từ nào dưới đây dùng với nghĩa gốc?

a/ sườn núi

b/ sườn nhà

c/ xương sườn

d/ sườn xe đạp

Câu 6: Đoạn văn sau đây có bao nhiêu lỗi sai chính tả?

“Trên những ngọn coi già nua cổ thụ, nhưng chiếc lá vàng cuối cùng còn **xót** lại đang khua lao xao trước khi từ **rã** thân mẹ đơn sơ. Nhưng những hàng cau làng Dạ thì bất chấp tất cả sức mạnh tàn bạo của mùa đông, chúng vẫn còn y nguyên những tàu lá vắt vẻo mềm mại như cái đuôi én. Trên nền đất rắn lại vì giá lạnh, nhưng đợt lá non vẫn đang xòe, vàng nhạt và những cây cau vẫn duyên dáng, đu đưa thân mình, tưởng như chúng sinh ra còn là để trang điểm cho thôn bản làng Dạ thêm vẻ thanh tú, nhẹ nhàng.”

(Theo Ma Văn Kháng)

a/ 1

b/ 2

c/ 3

d/ 4

Câu 7: Dòng nào dưới đây gồm các từ viết đúng chính tả?

a/ đường sá, xót xa, xót sắng

b/ xây xát, sát xao, sụt sịt

c/ xuất trình, sung đột, sum xuê

d/ rành mạch, dềnh dàng, trà trộn

Câu 8: Những câu thơ sau đây sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

“Ngôi nhà giống bài thơ sắp làm xong

Là bức tranh còn nguyên màu vôi gạch”

(Theo Đồng Xuân Lan)

a/ nhân hóa **b/ so sánh**

c/ đảo ngữ

d/ so sánh và nhân hóa

Câu 9: Điền từ còn thiếu vào đoạn thơ sau:

“Đã dâng đến tận cùng

Hết tầm cao Tổ quốc

Lại trong suốt

Như suối khuất

(Theo Trúc Thông)

a/ nhẹ nhàng – vội vàng

b/ lặng thầm – trong sáng

c/ nhẹ nhàng – rì rào

d/ lặng thầm – rì rào

Câu 10: Những câu thơ sau trích trong bài thơ nào?

“Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu
Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.
Tìm nơi bờ biển sóng tràn
Hàng cây chắn bão dịu dàng mùa hoa.”

(Theo Nguyễn Đức Mậu)

a/ Trước cổng trời

b/ Hành trình của bảy ong

c/ Tiếng vọng

d/ Sắc màu em yêu